

LỜI MỞ ĐẦU

Để tiến hành hoạt động kinh doanh, bất cứ một doanh nghiệp nào cũng phải có một lượng vốn tiền tệ nhất định. Quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cũng là quá trình hình thành, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ của doanh nghiệp. Trong quá trình đó, đã phát sinh các luồng tiền tệ gắn liền với hoạt động đầu tư và các hoạt động kinh doanh thường xuyên của các doanh nghiệp, các luồng tiền tệ đó bao hàm các luồng tiền tệ đi vào và các luồng tiền tệ đi ra khỏi doanh nghiệp, tạo sự vận động của các luồng tài chính của doanh nghiệp. Chính từ đó xuất hiện nhu cầu tất yếu phải thực hiện chức năng quản lý vốn bằng tiền của công ty.

Sau thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Hải Phòng, em đã tìm hiểu, phân tích đánh giá những kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời so sánh với lý thuyết đã học trong trường để rút ra những kết luận cơ bản trong hoạt động sản xuất kinh doanh là lợi nhuận. Muốn có lợi nhuận cao phải có phương án sản xuất kinh doanh hợp lý, sản phẩm bán ra thị trường phải tốt, có chất lượng cao, chi phí bỏ ra thấp nhất, mở rộng thị trường, giá cả hợp lý, phương thức thanh toán nhanh gọn và đặc biệt phải có vốn đầu tư bằng tiền phù hợp. Vì vậy cần phải tổ chức tốt khâu kế toán vốn bằng tiền trong Công ty. Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường như hiện nay hạch toán vốn bằng tiền ở mỗi doanh nghiệp lại càng cấp thiết và khó khăn vì phải làm sao để đồng tiền quay vòng vốn nhanh, tránh lãng phí, ứ đọng, thiếu hụt.

Trên cơ sở đó em đã chọn Chuyên đề: ***“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Hải Phòng”*** làm khóa luận thực tập tốt nghiệp.

Kết cấu Chuyên đề ngoài phần Mở đầu và phần Kết luận, bao gồm 3 chương:

Chương 1: ***Một số vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.***

Chương 2: ***Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Hải Phòng.***

Chương 3: ***Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Hải Phòng.***

CHƯƠNG 1**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN.*****1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền.***

Với cơ chế chính sách hiện nay vốn đóng góp vai trò quan trọng trong sản xuất kinh doanh cũng như trong các lĩnh vực phát triển đầu tư. Muốn thành lập được nhiều doanh nghiệp, nhà máy, công ty cũng như các cửa hàng kinh doanh đòi hỏi các đơn vị cá nhân, tập thể, nhà nước phải có một lượng vốn đủ để sản xuất kinh doanh, đủ để quay vòng sản xuất tạo ra các sản phẩm mới trên thị trường với sức hút mạnh nhất. Chính vì vậy có thể định nghĩa vốn bằng tiền như sau: “Vốn bằng tiền là một bộ phận quan trọng của vốn kinh doanh trong doanh nghiệp được biểu hiện dưới hình thức tiền tệ bao gồm: Tiền mặt (111), TGNH(112), Tiền đang chuyển (113). Cả ba loại trên đều có tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, kim khí quý. Mỗi loại vốn bằng tiền đều sử dụng vào những mục đích khác nhau và có yêu cầu quản lý từng loại nhằm quản lý chặt chẽ tình hình thu chi và đảm bảo an toàn cho từng loại sử dụng có hiệu quả tiết kiệm và đúng mục đích.

Với tính linh hoạt cao nhất, vốn bằng tiền được dùng để đáp ứng nhu cầu thanh toán, thực hiện việc mua sắm tài sản hoặc chi phí của DN.

1.1.2. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền.

Kế toán vốn bằng tiền cần tôn trọng các nguyên tắc sau:

Kế toán tổng hợp vốn bằng tiền sử dụng đơn vị tiền tệ thống nhất là VNĐ.

Các doanh nghiệp có sử dụng ngoại tệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh phải qui đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ để ghi sổ kế toán. Đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo từng loại nguyên tệ trên TK 007-Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng cân đối kế toán). Nếu có chênh lệch giữa tỷ giá thực tế và tỷ giá đã ghi sổ kế toán thì phản ánh khoản chênh lệch này vào TK413 “chênh lệch tỷ giá”

Số dư của các tài khoản vốn bằng tiền là ngoại tệ phải được điều chỉnh theo tỷ giá thực tế ở thời điểm lập báo cáo.

- Vàng bạc đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không có chức năng kinh doanh vàng bạc đá quý.

- Vàng bạc đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất và giá trị từng thứ, từng loại - giá vàng bạc đá quý được tính theo giá thực tế (giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán)

Khi tính giá xuất của vàng bạc đá quý và ngoại tệ có thể áp dụng một trong các phương pháp sau:

- Bình quân gia quyền
- Nhập trước - xuất trước
- Nhập sau - xuất trước
- Giá thực tế đích danh

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền

- Tổ chức thực hiện các qui định về chứng từ thủ tục hạch toán vốn bằng tiền.

- Thông qua việc ghi chép vốn bằng tiền, kế toán thực hiện chức năng kiểm soát và phát hiện các trường hợp chi tiêu lãng phí, sai chế độ, phát hiện các chênh lệch, xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch vốn bằng tiền.

Kế toán phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phản ánh chính xác kịp thời những khoản thu chi và tình hình còn lại của từng loại vốn bằng tiền, kiểm tra và quản lý nghiêm ngặt việc quản lý các loại vốn bằng tiền nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ, phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh.

- Giám sát tình hình thực hiện kế toán thu chi các loại vốn bằng tiền, kiểm tra việc chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý vốn bằng tiền, đảm bảo chi tiêu tiết kiệm và có hiệu quả cao

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại các ngân hàng và các khoản tiền đang chuyển (kể cả nội tệ, ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim khí quý, đá quý).

1.2. TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ

1.2.1.1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt

(1) Chỉ phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu đ-ợc chuyển nộp ngay vào ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên nợ TK 111 “tiền mặt” mà ghi vào bên nợ TK 113 “tiền đang chuyển”.

(2) Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký c-ợc, ký quỹ tại doanh nghiệp đ-ợc quản lý và hạch toán nh- các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

(3) Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của ng-ời nhận, ng-ời giao, ng-ời cho phép nhập xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số tr-ờng hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

(4) Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất quỹ tiền mặt ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

(5) Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

(6) Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt, gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt nam thì đ-ợc quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 đ-ợc quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các ph-ương pháp: Bình quân gia quyền, nhập tr-ớc xuất tr-ớc, nhập sau xuất tr-ớc, giá thực tế đích danh (nh- một loại hàng hoá đặc biệt)

(7) Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc xuất, nhập đ- ợc hạch toán nh- các loại hàng tồn kho (nhập tr- ớc xuất tr- ớc, nhập sau xuất tr- ớc, giá bình quân gia quyền hay giá thực tế từng lần nhập), khi sử dụng để thanh toán chi trả đ- ợc hạch toán nh- ngoại tệ.

1.2.1.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng trong hạch toán tiền mặt.

➤ Chứng từ hạch toán tiền mặt tại quỹ:

- Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 - TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 - TT)
- Bảng kê vàng, bạc, đá quý (Mẫu số 07 - TT)
- Bảng kiểm kê quỹ (Mẫu số 08 - TT)
- Bảng kê chi tiền (Mẫu số 09 - TT)

Và các chứng từ có liên quan khác

➤ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 111 - Tiền mặt: có 3 tài khoản cấp 2

- Tài khoản 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu chi tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt
- Tài khoản 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- Tài khoản 1113 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng bạc kim khí quý đá quý nhập xuất quỹ tồn quỹ.

Bên nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ

- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số d- ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền mặt ngoại tệ)

Bên có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý phát hiện thiếu ở quỹ khi kiểm kê.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số d- ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền mặt ngoại tệ)

Số d- bên nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán kế toán tiền mặt tại quỹ

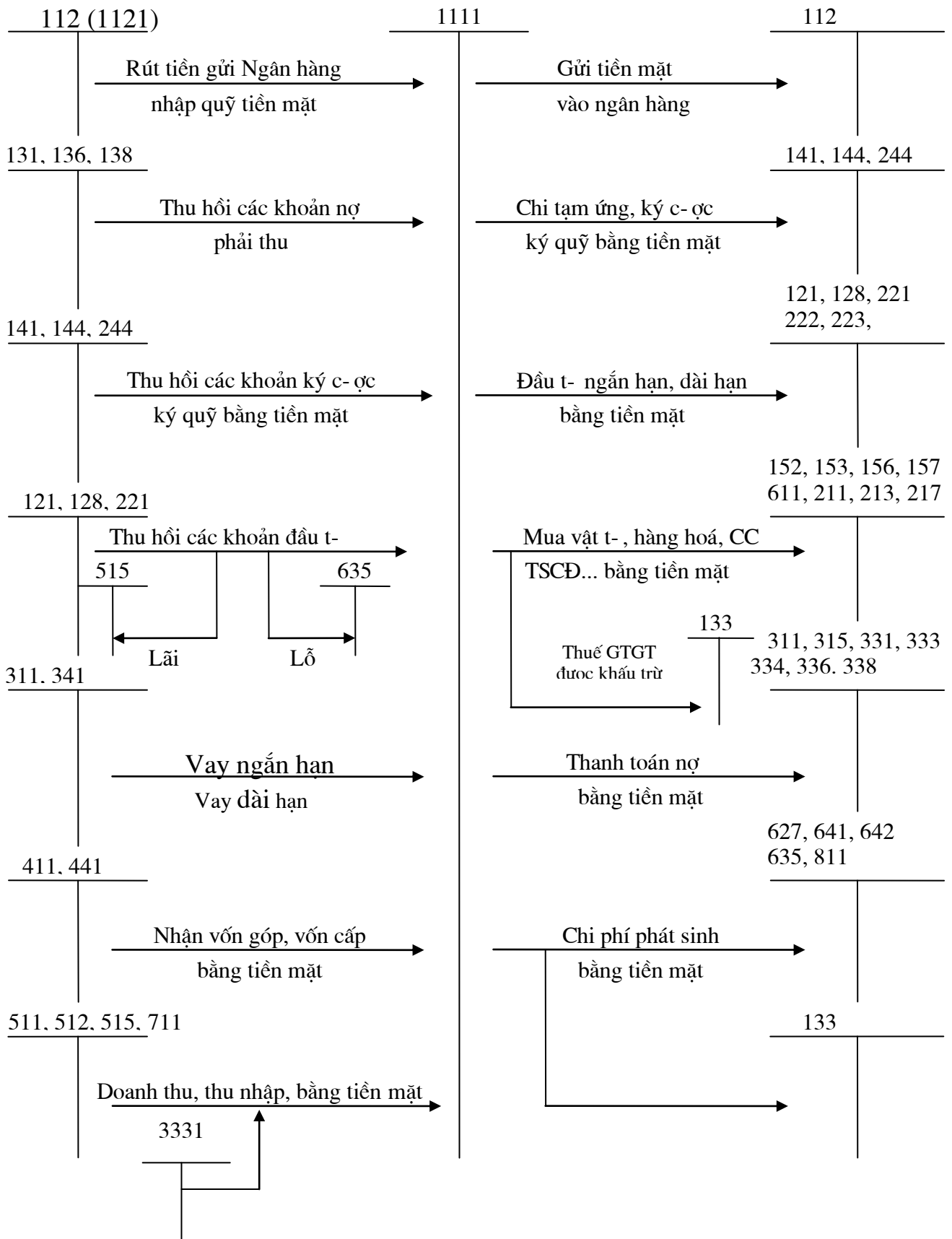
- Phương pháp hạch toán kế toán tiền mặt - Việt nam đồng đ- ọc thể hiện qua **Sơ đồ**

1.1

- Phương pháp hạch toán kế toán tiền mặt – Việt nam đồng đ- ược thể hiện thông qua **Sơ đồ 1.2**

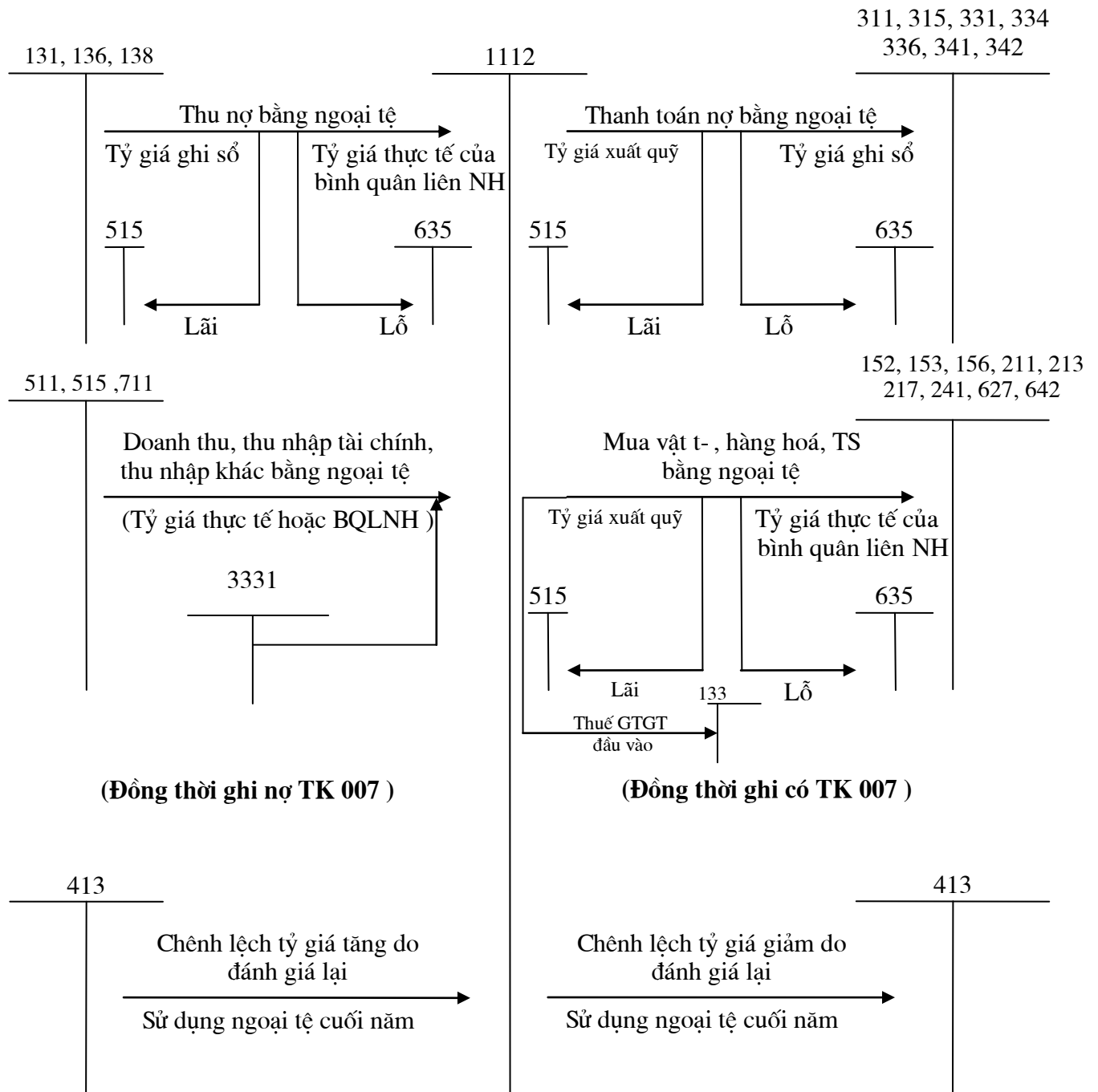
Sơ đồ 1.1

KẾ TOÁN TIỀN MẶT (VNĐ)



Sơ đồ 1.2

KẾ TOÁN TIỀN MẶT - NGOẠI TỆ



1.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng

1.2.2.1 Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngân hàng

(1) Căn cứ để hạch toán trên TK 112 - Tiền gửi ngân hàng là các giấy báo có báo nợ và bản sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản, séc bảo chi....)

(2) Khi nhận đ-ợc chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, ch- a xác định đ-ợc nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của ngân hàng trên giấy báo nợ báo có của bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên nợ TK 138 “phải thu khác” (1388) (Nếu số liệu của kế toán nhiều hơn số liệu của ngân hàng) hoặc ghi vào bên có TK 338 “phải trả, phải nộp khác” (3388) (Nếu số liệu của kế toán thấp hơn số liệu của ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

(3) Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyển thu, chuyển chi hoặc tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, Ngoại tệ các loại)

(4) Phải tổ chức hạch toán chi tiết sổ tiền gửi theo từng tài khoản ở ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

(5) Tr- ờng hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải đ-ợc quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà n-ớc Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh (Sau đây gọi tắt là tỷ giá giao dịch BQLNH). Tr- ờng hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng đ-ợc phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Tr- ờng hợp rút tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ thì đ-ợc quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các

ph-ong pháp: Bình quân gia quyền; nhập tr-ớc, xuất tr-ớc; nhập sau, xuất tr-ớc; giá thực tế đích danh.

(6) Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh (kể cả hoạt động đầu t- xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vừa có hoạt động xây dựng cơ bản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này đ-ợc hạch toán vào bên có TK 515 “doanh thu hoặc động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc vào bên nợ TK 635 “chi phí hoạt động tài chính” (lỗ tỷ giá)

(7) Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu t- xây dựng cơ bản (giai đoạn tr-ớc hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch, tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ đ-ợc hạch toán vào TK 413 “chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132)

1.2.2.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng trong hạch toán tiền gửi ngân hàng

➤ Các chứng từ sử dụng

- Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Bản sao kê
- Sổ phụ tài khoản
- Hoá đơn giá trị tăng của hàng hoá dịch vụ mua vào bán ra

➤ Tài khoản sử dụng

TK 112 - Tiền gửi ngân hàng, có 3 TK cấp 2:

- TK 1121 - Tiền Việt nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng đồng Việt nam.

- TK 1122 - Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng ngoại tệ, các loại đã quy đổi ra đồng Việt nam.

- TK 1123 - Vàng bạc, kim khi quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng.

Bên nợ:

- Các khoản tiền Việt nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng.

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số d- tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Bên có:

- Các khoản tiền Việt nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý đá quý rút ra từ ngân hàng

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số d- tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ

Số d- bên nợ:

Số tiền Việt nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại ngân hàng.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng

- Phương pháp hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng - Việt nam đồng đ- ọc thể hiện qua **Sơ đồ 1.3**

- Phương pháp hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng - Ngoại tệ đ- ọc thể hiện qua **Sơ đồ 1.4**

1.2.3. Kế toán tiền đang chuyển

1.2.3.1. Khái niệm

Tiền đang chuyển là khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà n- ớc, đã gửi b- u điện để chuyển cho đơn vị khác nh- ng ch- a nhận đ- ọc giấy báo có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng để trả cho đơn vị khác nh- ng ch- a nhận đ- ọc giấy báo nợ hay bản sao kê của ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt nam và tiền ngoại tệ đang chuyển trong các tr- ờng hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào ngân hàng
- Chuyển tiền qua b- u điện để trả cho đơn vị khác
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào kho bạc (giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với ng- ời mua hàng và kho bạc nhà n- ớc)

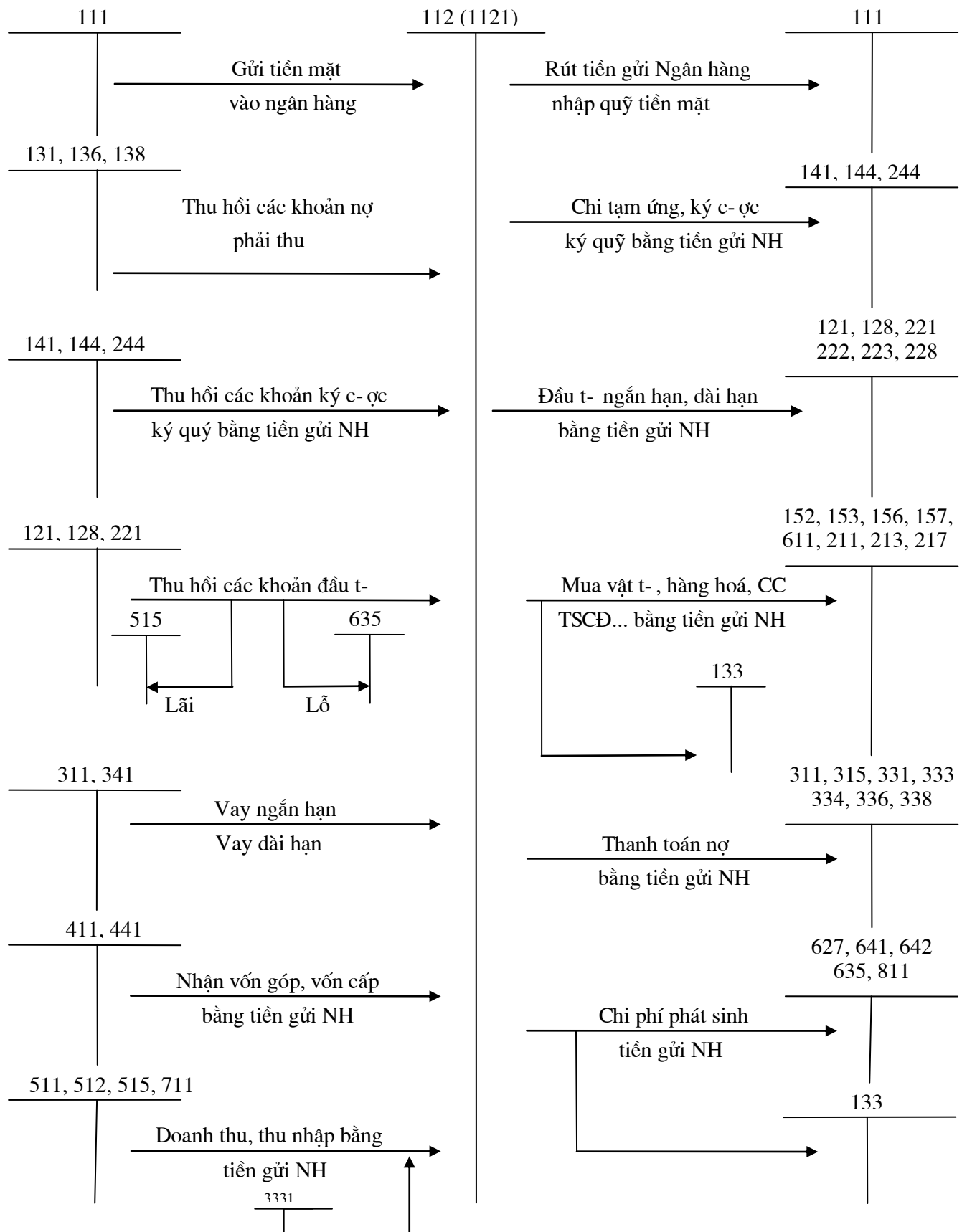
1.2.3.2 Tài khoản

Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển, có 2 tài khoản cấp 2:

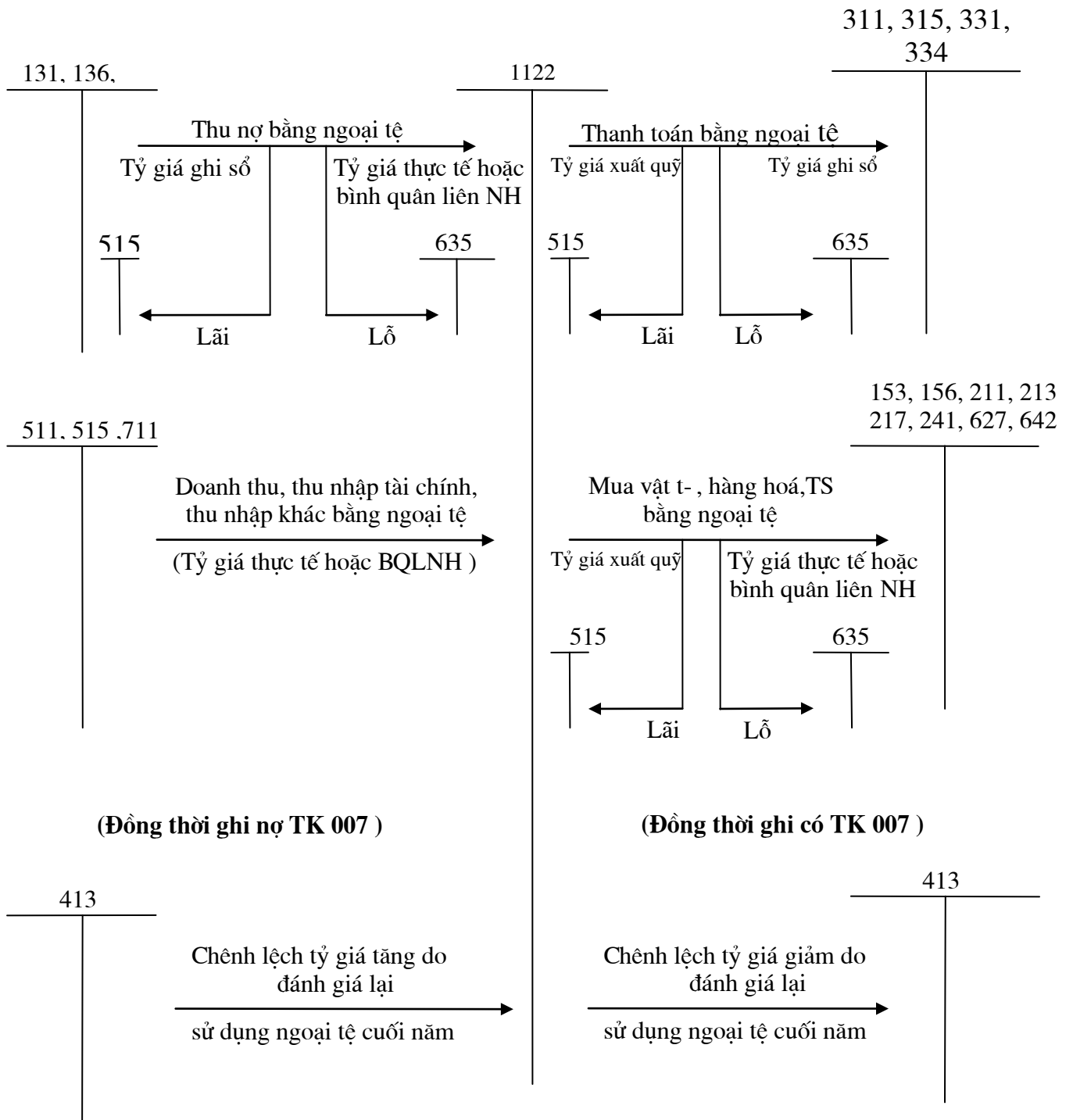
- TK 1131 - Tiền Việt nam: Phản ánh số tiền Việt nam đang chuyển
- TK 1132 - Ngoại tệ: Phản ánh số tiền ngoại tệ đang chuyển

Sơ đồ 1.3

KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG - VNĐ



Sơ đồ 1.4 KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG - NGOẠI TỆ



- TK 1132 - Ngoại tệ: Phản ánh số tiền ngoại tệ đang chuyển

Bên nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi b- u điện để chuyển vào ngân hàng nh- ng ch- a nhận đ- ợc giấy báo có.

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số d- ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ

Bên có:

- Số kết chuyển vào TK 112 - Tiền gửi ngân hàng hoặc tài khoản có liên quan

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số d- ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Số d- bên nợ:

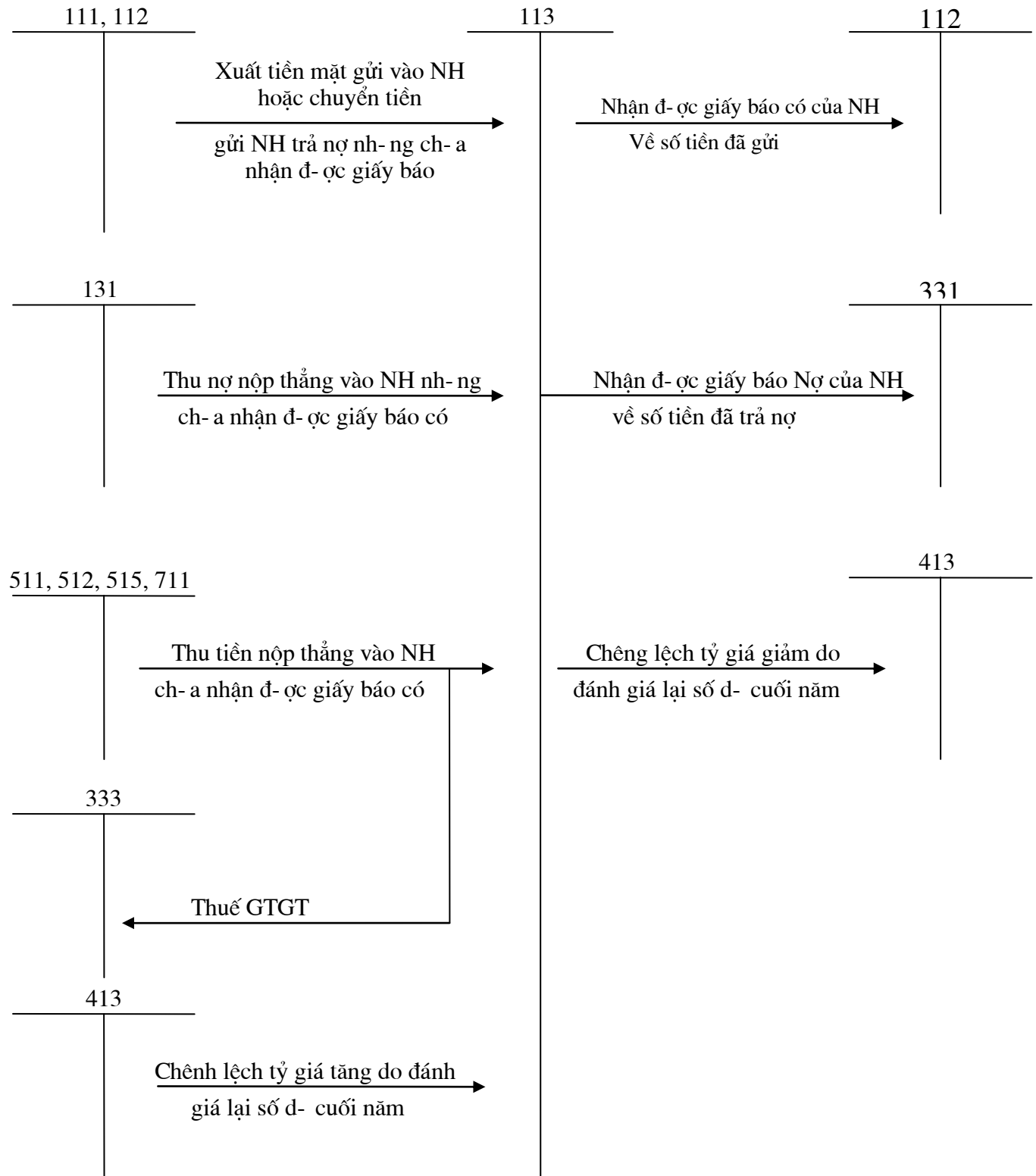
Các khoản tiền còn đang chuyển

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán kế toán tiền đang chuyển

- Phương pháp hạch toán kế toán tiền đang chuyển đ- ợc thể hiện qua **Sơ đồ 1.5**

Sơ đồ 1.5

KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN



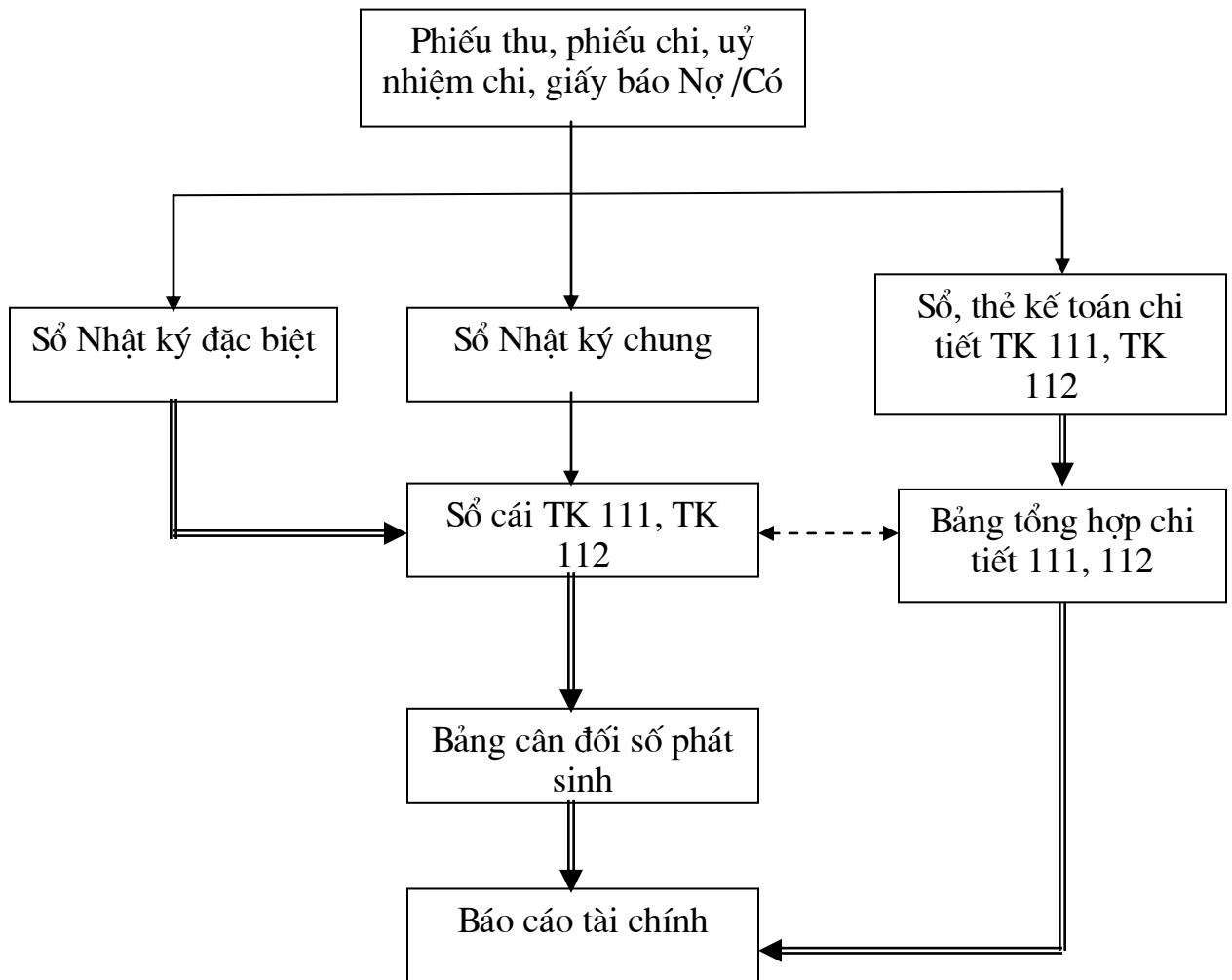
1.2.4. Hình thức ghi sổ kế toán Vốn bằng tiền

Hình thức sổ kế toán nhật ký chung

Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức nhật ký chung đ- ợc thể hiện qua Sơ đồ 1.6

Sơ đồ 1.6

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG



- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu ⇄

- Hàng ngày, căn cứ vào phiếu thu, chi, uỷ nhiệm chi (thu), giấy báo nợ, giấy báo có kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để vào sổ cái theo các tài khoản kế toán. Nếu đơn vị có mở sổ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh đ-ợc ghi vào sổ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết đ-ợc dùng để lập các báo cáo tài chính.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG HẢI PHÒNG

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG HẢI PHÒNG

2.1.1. Sơ lược về sự hình thành và phát triển của công ty thiết bị phụ tùng Hải phòng.

Công ty thiết bị phụ tùng Hải phòng là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ thương mại đóng trên địa bàn thành phố Hải phòng.

Công ty được thành lập từ năm 1965, trải qua 40 năm công ty đã qua bao nhiêu lần đổi tên, bao nhiêu lần sáp nhập, tách ra đến nay công ty đã trưởng thành và không ngừng phát triển.

Năm 1965 Bộ vật tư ra quyết định thành lập Ban tiếp nhận vật tư với quân số của Ban chỉ khoảng trên 40 người chuyên tiếp nhận và cung ứng hàng theo chỉ tiêu của Bộ vật tư, những năm tháng ấy Ban đã trải qua muôn vàn khó khăn như người có trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân thấp, phương tiện vận tải thì ít, đường xá khó khăn nên việc tiếp nhận và vận chuyển hàng của công ty thường chậm trễ và những năm 1968 đế quốc Mỹ ném bom xuống miền bắc nên cơ sở vật chất của công ty bị bom Mỹ bán phá, nhà xưởng tan hoang, người lao động phải đi sơ tán ra Quảng ninh, Bắc giang, Hải Dương, Vĩnh bảo . . . vì vậy lúc này cán bộ công nhân viên của công ty vừa làm nhiệm vụ tiếp nhận, vận chuyển vừa sẵn sàng chiến đấu và những năm đó Ban tiếp nhận đã hoàn thành được nhiệm vụ của Bộ giao cho

Năm 1970 Bộ vật tư quyết định đổi tên Ban vật tư thành Công ty tiếp nhận vật tư Hải phòng, lúc này với trên 200 người công ty làm nhiệm vụ chủ yếu là tiếp nhận hàng hoá từ cảng Hải phòng cho các đơn vị trong ngành vật tư và cung ứng cho các ngành của nền kinh tế quốc dân cũng như vùng Duyên hải bắc bộ, những năm ấy trình độ của cán bộ công nhân viên trong công ty đã từng bước được nâng cao, nhiều cán bộ công nhân viên trong công ty đã tốt nghiệp Đại học như tốt nghiệp trường đại học Bách khoa hà nội, đại học kinh tế kế hoạch. . . , năm 1972 đế quốc Mỹ lại leo thang đánh phá Miền bắc một lần nữa bom Mỹ ném xuống Hải

phòng nên hàng hoá của của công ty phải sơ tán, cán bộ công nhân viên của công ty phải phân tán để nhận và bảo quản hàng, những năm đó hàng hoá của công ty sơ tán lên Bắc giang, Quảng ninh . . . do vậy nhiệm vụ của công ty càng nặng nề.

Những năm đó Cán bộ công nhân viên của công ty phải chia nhỏ ra để làm nhiệm vụ, vừa tiếp nhận vận chuyển hàng vừa sẵn sàng chiến đấu. Cuối năm 1972 công ty hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Năm 1975 Miền nam hoàn toàn giải phòng, do yêu cầu nhiệm vụ hàng hoá về cảng ngày càng nhiều, nhiệm vụ của công ty càng nặng nề là tiếp nhận hàng phục vụ các tỉnh Miền bắc còn phải tiếp nhận vận chuyển phục vụ các tỉnh Miền trung, Miền nam do vậy năm 1976 Bộ vật tư quyết định tách công ty tiếp nhận vật tư thành

Công ty thiết bị phụ tùng Hải phòng.

Năm 2004 công ty có 184 cán bộ công nhân viên, song do chuyển đổi mô hình từ công ty nhà nước chuyển thành công ty cổ phần nên đến cuối năm 2004 công ty có 71 người nghỉ theo nghị định 41/CP của chính phủ và đầu năm 2005 số người nghỉ đợt 2 theo nghị định 41 /CP của chính phủ là 46 người như vậy cả hai đợt nghỉ tổng cộng là 117 người.

Như vậy công ty thiếu phần lớn lao động, đứng trước tình hình đó công ty tuyển dụng thêm 35 lao động bằng hình thức tuyển dụng theo yêu cầu công việc thực tế, số lao động tuyển dụng mới là lao động trẻ, có trình độ văn hoá, trình độ nghiệp vụ ít nhất là từ trung cấp trở lên phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty .

Đến hết tháng 11/2005 số lao động thực tế của công ty là 102 người được thể hiện ở các chỉ tiêu sau :

| TT | Chức năng | Tổng số | Trình độ nhân viên | | | | | Trình độ công nhân | | | | | | |
|----|------------------------|---------|--------------------|---------|-----------|--------|----------------|--------------------|-------|-------|-------|-------|-------|--------------------|
| | | | Sau đại học | Đại học | Trung cấp | Sơ cấp | Không bằng cấp | Bậc 7 | Bậc 6 | Bậc 5 | Bậc 4 | Bậc 3 | Bậc 2 | Lao động phổ thông |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | HDQT và Ban giám đốc | 7 | | 7 | | | | | | | | | | |
| | Trưởng, phó các đơn vị | 9 | | 7 | 2 | | | | | | | | | |
| | CBQL | 16 | | 12 | 4 | | | | | | | | | |
| | CN | 70 | | 12 | 30 | | | | | | 12 | 25 | | 5 |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | Tổng số | 102 | | 38 | 36 | | | | | | 12 | 25 | | 5 |

Để tồn tại và phát triển Công Ty Cổ Phần thiết bị phụ tùng Hải Phòng đã phải dựa vào sức mình, từng bước đổi mới phương thức kinh doanh, phương thức quản lý, đổi mới mô hình quản lý nhân sự ... Hơn thế nữa để phát triển vững chắc, tăng uy tín của Công ty, Công ty luôn chú trọng đến công tác quản lý chất lượng hàng bán, bảo quản hàng hoá, thường xuyên rút kinh nghiệm trong khâu quản lý điều hành, giữ vững ổn định trong kinh doanh, nâng cao trách nhiệm về nghĩa vụ, quyền lợi người lao động, hạn chế các tiêu cực nảy sinh, từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh. Từ khi chuyển đổi từ cơ chế nhà nước chuyển sang công ty cổ phần đến nay, tình hình kinh doanh của Công ty đã dần đi vào ổn định, đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách và đã đạt được nhiều thành tích.

| Chỉ tiêu | Năm 2007 | | Năm 2008 | | Năm 2009 | | 2007 so với 2008 | | 2008 so với 2009 | |
|-----------------------------------------|----------------|----------|----------------|----------|----------------|----------|------------------|----------|------------------|----------|
| | Số tiền | Tỷ trọng | Số tiền | Tỷ trọng | Số tiền | Tỷ trọng | Số tiền | Tỷ trọng | Số tiền | Tỷ trọng |
| 1. Doanh thu thuần | 63,694,699,408 | 100 | 79,019,394,671 | 100 | 95,107,625,633 | 100 | 15,324,695,263 | 24.06 | 16,088,230,962 | 20.36 |
| 2. Giá vốn bán hàng | 58,077,611,768 | 91.18 | 72,856,702,641 | 92.20 | 90,021,626,821 | 94.65 | 14,779,090,873 | 25.45 | 17,164,924,180 | 23.56 |
| 3. Lợi nhuận gộp | 5,617,087,640 | 8.82 | 6,162,692,030 | 7.80 | 5,085,998,812 | 5.35 | 545,604,390 | 9.71 | (1,076,693,218) | (17.47) |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 22,632,024 | 0.04 | 8,087,719 | 0.01 | 88,672,781 | 0.09 | (14,544,305) | (64.26) | 80,585,062 | 996.39 |
| 5. Chi phí tài chính | 1,203,301,799 | 1.89 | 795,672,623 | 1.01 | 496,829,652 | 0.52 | (407,629,176) | (33.88) | (298,842,971) | (37.56) |
| Trong đó: Lãi vay phải trả | | - | | 0.00 | | - | - | | - | |
| 6. Chi phí bán hàng | 2,330,656,506 | 3.66 | 2,883,054,126 | 3.65 | 2,428,178,424 | 2.55 | 552,397,620 | 23.70 | (454,875,702) | (15.78) |
| 7. Chi phí QLDN | 2,045,535,527 | 3.21 | 1,480,199,989 | 1.87 | 1,408,935,518 | 1.48 | (565,335,538) | (27.64) | (71,264,471) | (4.81) |
| 8. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD | 60,225,832 | 0.09 | 1,011,853,011 | 1.28 | 840,727,999 | 0.88 | 951,627,179 | 1,580.10 | (171,125,012) | (16.91) |
| 9. Thu nhập khác | 142,982,785 | 0.22 | 45,857,186 | 0.06 | 249,633,731 | 0.26 | (97,125,599) | (67.93) | 203,776,545 | 444.37 |
| 10. Chi phí khác | 11,904,253 | 0.02 | 96,629,154 | 0.12 | - | - | 84,724,901 | 711.72 | (96,629,154) | (100.00) |
| 11. Lợi nhuận khác | 131,078,532 | 0.21 | (50,771,968) | 0.06 | 249,633,731 | 0.26 | (181,850,500) | (138.73) | 300,405,699 | (591.68) |
| 12. Tổng lợi nhuận trước thuế | 191,304,364 | 0.30 | 961,081,043 | 1.22 | 1,090,361,730 | 1.15 | 769,776,679 | 402.38 | 129,280,687 | 13.45 |
| 13. Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - | 269,102,700 | 0.34 | 305,301,300 | 0.32 | 269,102,700 | | 36,198,600 | 13.45 |
| 14. Lợi nhuận sau thuế | 191,304,364 | 0.30 | 691,978,343 | 0.88 | 785,060,430 | 0.83 | 500,673,979 | 261.72 | 93,082,087 | 13.45 |
| 15. Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | 0,3 | | 0,875 | | 0,825 | | | | | |

(Nguồn: trích bảng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2007-2009 tại Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Hải Phòng)

Sơ đồ 2.1: Các chỉ tiêu trong báo cáo kết quả kinh doanh qua các năm 2007, 2008, 2009

Qua bảng số liệu sơ đồ 2.1 cho thấy năm 2007 (không có thuế TNDN vì khi chuyển đổi từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần được hưởng ưu đãi 3 năm không phải nộp thuế TNDN, từ năm 2005 đến năm 2007) lợi nhuận sau thuế là 191 triệu đồng chiếm 0,3% doanh thu thuần, lợi tức là cứ 1.000.000 đồng doanh thu thuần tạo ra 3.000 đồng lợi nhuận sau thuế, đây là mức lợi nhuận tương đối thấp so với doanh thu của công ty đã đạt được trong năm. Điều này cho thấy khoản mục của công ty như giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp , chi phí tài chính quá cao, đặc biệt là chi phí lãi vay mà công ty phải trả trong năm, dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh mang dấu âm, khoản lợi nhuận sau thuế thu được là nhờ vào lợi nhuận khác mang lại (lợi nhuận cho thuê kho bãi) sau khi đã trừ đi khoản lỗ từ hoạt động kinh doanh kể trên. Do vậy ban giám đốc công ty cần đặc biệt lưu ý giảm thiểu chi phí lãi vay và đưa ra các biện pháp nhằm quản lý, giảm thiểu chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp sao cho có lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, tránh tình trạng lỗ.

Năm 2008 lợi nhuận sau thuế đạt 692 triệu đồng chiếm 0,875% doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ, tức là cứ 1.000.000 đồng doanh thu thì tạo ra 87.500 đồng lợi nhuận sau thuế, đây là mức lợi nhuận khá cao kể từ sau khi cổ phần. So với năm 2007, doanh thu thuần tăng lên đáng kể 24,06% đi liền với doanh thu tăng thì giá vốn của năm 2008 tăng lên 25,45% so với năm 2007 và điều quan trọng nhất là lợi nhuận sau thuế đã được tăng lên rất nhiều so với năm 2007 là 261,72%, đi đôi với việc tăng doanh thu bán hàng thì chi phí bán hàng cũng tăng lên 23,7% so với năm 2007, nhưng có một dấu hiệu đáng mừng là chi phí quản lý của doanh nghiệp lại giảm xuống 27,64% so với năm 2007, và chi phí tài chính của năm 2008 giảm 33,88% so với năm 2007. Đây là một dấu hiệu tốt trong việc quản lý chi phí quản lý và chi phí lãi vay của công ty.

Năm 2009 lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 785 triệu đồng chiếm 0,825% doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ, tức là cứ 1.000.000 đồng doanh thu

thì tạo ra 82.500 đồng lợi nhuận sau thuế, so với năm 2008 thì doanh thu thuần tăng 20,36% so với năm 2008, giá vốn của năm 2009 tăng lên 23,56% so với năm 2008, nhưng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của năm 2009 đã giảm nhiều so với năm 2008 lần lượt là 15,78% và 4,81%, lợi nhuận sau thuế tăng 13,45% so với năm 2008, điều này cho thấy hiệu quả ngày càng tăng lên rõ rệt, đây là dấu hiệu đáng mừng đối với ban lãnh đạo công ty, ban lãnh đạo công ty cần phải có biện pháp hữu hiệu hơn nữa trong việc giảm giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp hơn nữa để sao cho lợi nhuận sau thuế đạt hiệu quả cao hơn nữa

2.1.2. Đặc điểm nguồn lực và ngành nghề kinh doanh của công ty:

2.1.2.1. Đặc điểm nguồn lực:

✓ Về nguồn vốn:

Từ khi thành lập đến nay Công ty luôn cố gắng bảo toàn và phát triển, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn của mình một cách hiệu quả và hợp lý.

Vốn điều lệ Công ty là :12.000.000.000 (Mười hai tỷ đồng chẵn)

Toàn bộ số vốn này là khi công ty chuyển đổi mô hình từ nhà nước sang cổ phần đã bán cho các CBCNV công ty.

✓ Đặc điểm về nguồn nhân lực của Công ty:

Đặc điểm về lao động và cơ cấu lao động hiện tại của Công ty như sau: Công ty có một đội ngũ công nhân viên rất nhiệt tình, đầy lòng nhiệt huyết với công việc. Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty hiện nay là : 67 người

✓ Cơ sở vật chất của Công ty:

Công ty đang từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất để phục vụ công tác hành chính và công tác kinh doanh:

+ Nhà cửa vật kiến trúc: Hiện nay công ty có trụ sở chính tại số 5A Võ Thị Sáu, nhà kho, và bãi để kinh doanh máy móc thiết bị : 22 Trần Khánh Dư, 21 Trần Khánh Dư, Số 1 ngã 3 Sở Dầu, Số 67 Đường Vòng Vạn Mỹ

+ Máy móc thiết bị, Phương tiện vận tải, truyền dẫn

+ Thiết bị, dụng cụ quản lý: máy điện thoại, máy in, máy vi tính, máy fax...

2.1.2.2. Ngành nghề kinh doanh:

Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Hải Phòng hoạt động, kinh doanh trên các lĩnh vực sau:

- Kinh doanh XNK và sản xuất trong nước: - Các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải, bốc dỡ, - Nông sản, hải sản, lâm sản, lương thực, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, hoá chất, kim khí, điện máy, phân bón, vật liệu xây dựng, xe gắn máy, khoáng sản
- Dịch vụ: vận tải, sửa chữa xe, máy, tư vấn kỹ thuật, cho thuê kho bãi, trụ sở làm việc, dịch vụ du lịch và khách sạn, thiết bị xây dựng công trình dân dụng ...

Kinh doanh máy móc thiết bị phụ tùng:

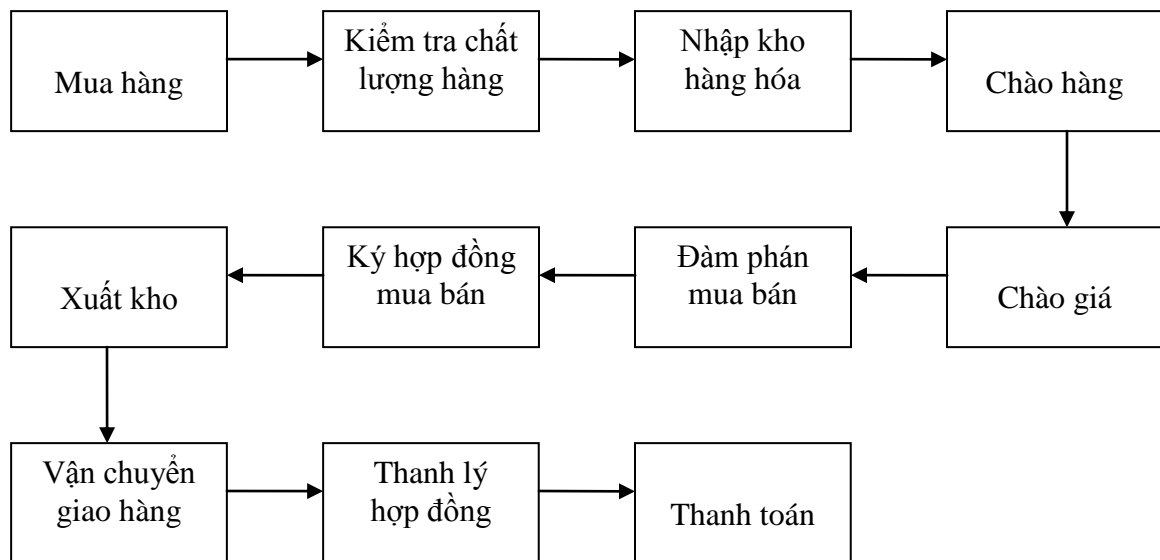
Đây là lĩnh vực kinh doanh truyền thống và chủ đạo của công ty, Doanh thu chính từ tiền bán hàng hoá như bán các xe công trình, bán máy xúc, máy đào, xấp lốp, ắc quy, phụ tùng và các hàng hoá khác mà công ty được phép kinh doanh.

Doanh thu năm 2007: 63.694.699.408 đồng

2008: 79.019.394.671 đồng

2009: 95.107.625.633 đồng

2.1.2.3. Quy trình kinh doanh: được thể hiện qua sơ đồ 2.2



Sơ đồ 2.2 Quy trình sản xuất kinh doanh tại Cty cổ phần TBPT Hải Phòng

Với một quy trình kinh doanh hợp lý và khoa học đối với một doanh nghiệp thương mại, các khâu trong quá trình mua bán cung cấp dịch vụ có quan hệ chặt chẽ với nhau và luôn nhận được sự kiểm tra theo dõi thường xuyên của bộ phận quản lý, Công ty đã ngày càng đạt được những hiệu quả nhất định trong công việc kinh doanh của mình.

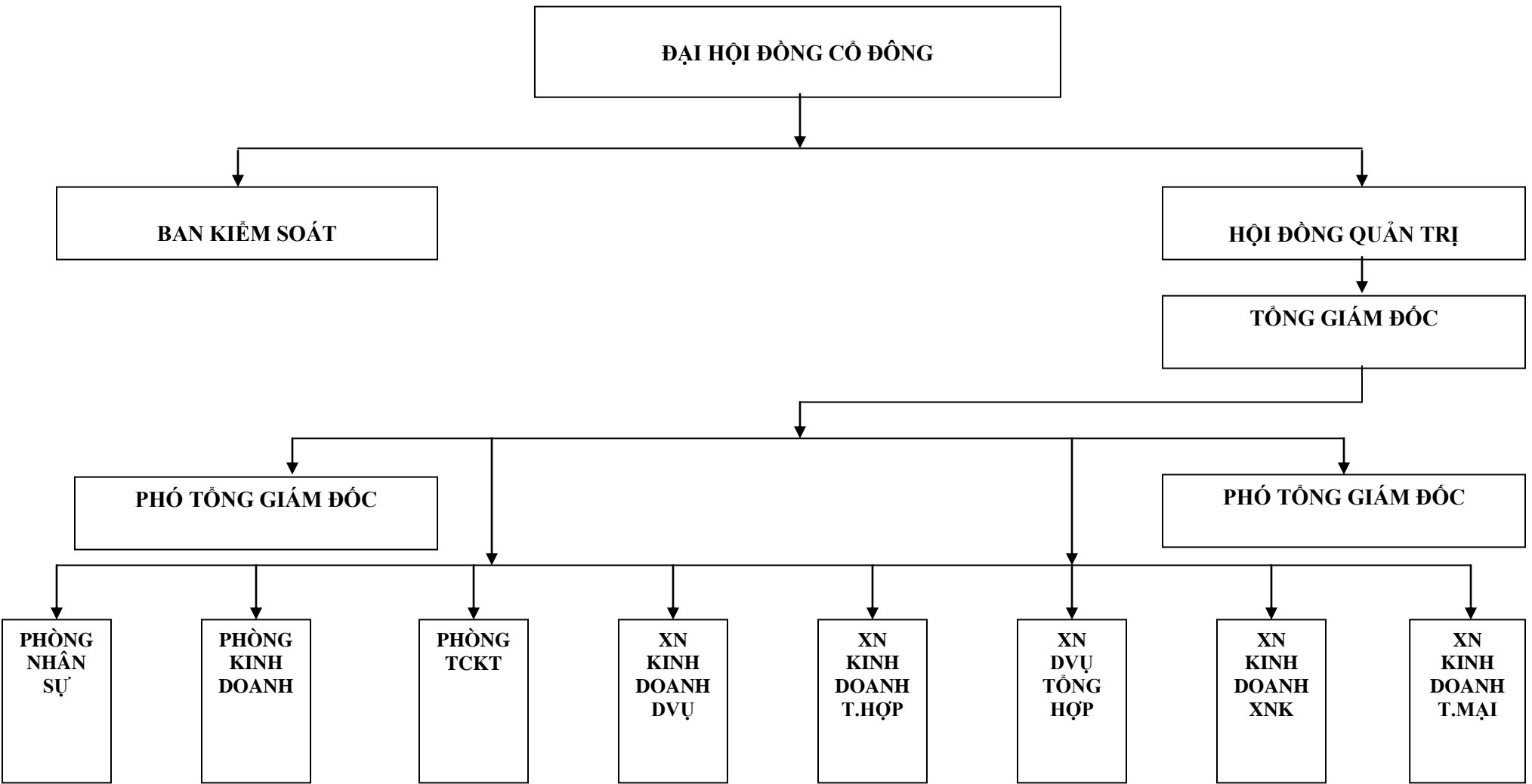
2.1.3. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức của công ty bao gồm:

- + Đại hội đồng cổ đông
- + Hội đồng quản trị
- + Ban Tổng giám đốc
- + Ban kiểm soát

2.1.3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty

(Đ- ọc thể hiện qua sơ đồ 2.3)



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần TBPT Hải Phòng

2.1.3.2. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của Công ty

- + Đại hội đồng cổ đông
- + Hội đồng quản trị
- + Ban Tổng giám đốc
- + Ban kiểm soát

Nhiệm vụ cơ bản của các phòng ban:

- + Đại hội cổ đông: bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và đây là cơ quan có quyền cao nhất của công ty cổ phần. Có nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển của công ty, tất cả các cổ đông đều có quyền tham gia biểu quyết
- + Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.
- + Ban kiểm soát: Các thành viên ban kiểm soát là những người thay mặt Đại hội cổ đông hoạt động theo quyết định của Trường ban kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản lý, điều hành của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước đại hội cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao
- + Ban tổng giám đốc và bộ máy giúp việc

Bộ máy điều hành công ty gồm có:

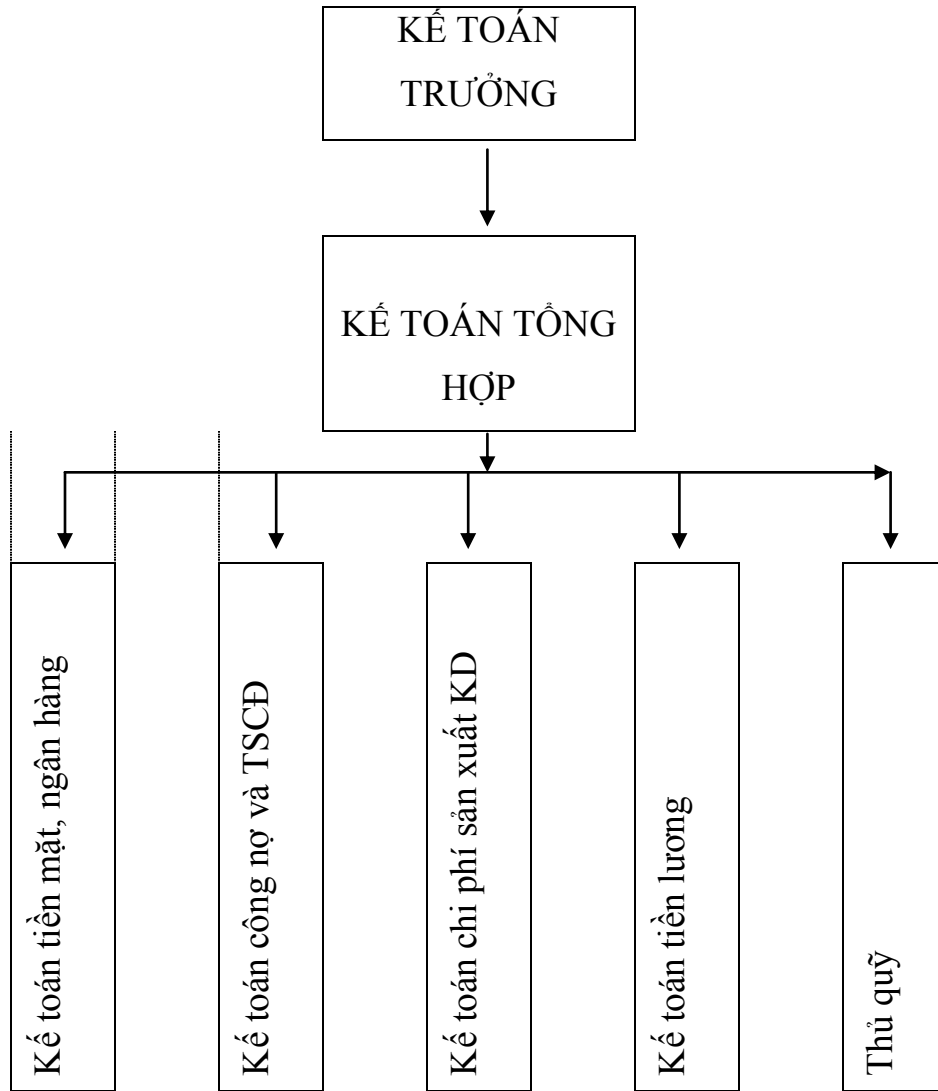
- Tổng giám đốc: do HĐQT bổ nhiệm, là người quản lý, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch nhân sự bao gồm: các phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, Trưởng chi nhánh, Trưởng đại diện, trình HĐQT phê duyệt và bổ nhiệm các Trưởng, phó phòng ban do Tổng giám đốc bổ nhiệm sau khi được HĐQT phê duyệt, đại diện pháp nhân của công ty trong các hoạt động giao dịch, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của công ty và thi hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

- Phó tổng giám đốc: gồm 2 phó tổng giám đốc điều hành một số lĩnh vực của công ty, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc và cùng chịu trách nhiệm liên đới với Tổng giám đốc trước HĐQT về các phần việc được phân công hoặc uỷ nhiệm.

- Kế toán trưởng, phó phòng, Ban nghiệp vụ và các trưởng đơn vị trực thuộc có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong quản lý điều hành công việc.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán của Công ty gồm 07 đồng chí, mỗi người có nhiệm vụ công việc khác nhau được tổ chức theo sơ đồ



Sơ đồ 2.4: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng Hải Phòng

Nhiệm vụ và chức năng của từng người:

- **Kế toán trưởng:** có trách nhiệm bao quát mọi hoạt động kế toán của toàn công ty, điều hành mọi công việc của phòng kế toán, kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình Giám đốc, hàng ngày nắm bắt và xử lý thông tin về nguồn vốn về công nợ, lãi lỗ và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của từng đơn vị trong công ty cũng như toàn công ty từ đó có hướng chỉ đạo kế toán bộ phận thực hiện tốt nhiệm vụ của mình và phối hợp với các đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, giúp đơn vị hoàn thành nhiệm vụ, tham mưu cho Giám đốc trong việc quản lý quá trình sản xuất kinh doanh.

- **Kế toán tổng hợp :** phải giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, nắm bắt được các văn bản, chế độ của nhà nước và sự thay đổi các chế độ văn bản đó để áp dụng vào công ty làm sao cho công tác kế toán của toàn công ty thực hiện theo đúng các văn bản đó, đúng pháp luật kế toán thống kê, hàng tháng phải lên báo cáo kế toán, biết được kết quả kinh doanh lỗ lãi, hướng các kế toán các đơn vị thực hiện đúng các văn bản của nhà nước.

Hàng tháng phải cùng kế toán các đơn vị kiểm tra công tác kế toán của từng đơn vị một uốn nắn kịp thời các sai sót nếu có.

Hàng tháng , hàng quý phải lên các báo cáo theo quy định của Nhà nước.

Báo cáo tài chính gồm có : Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo thuyết minh tài chính. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ .

- **Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng :** hàng ngày phải kịp thời lên phiếu thu, phiếu chi, cập nhật kịp thời chứng từ và những phát sinh, vào sổ thu chi tiền mặt, sổ thu chi ngân hàng, hàng tháng phải lên các báo cáo như báo cáo thu chi tiền mặt , báo cáo thu chi ngân hàng.

- **Kế toán tài sản cố định và công nợ :**

+ **Kế toán tài sản cố định**

Kế toán phải nắm được từng loại tài sản cố định của công ty, muốn nắm được từng loại tài sản cố định thì kế toán phải mở thẻ theo dõi tài sản cố định trên thẻ tài sản ghi rõ

Tên, chủng loại tài sản cố định, Nước, năm sản xuất, Công xuất, ký mã hiệu
Quy cách phẩm chất, Thời gian khấu hao, quy cách khấu hao. . .

Hàng tháng, hàng quý phải lên được báo cáo tài sản cố định và cứ 6 tháng phải kiểm kê tài sản cố định .

Khi mua sắm tài sản cố định phải có hoá đơn mua hàng và hồ sơ tài sản cố định . . .

+ Kế toán công nợ

Phải mở thẻ công nợ cho từng chủ nợ, hàng ngày phải cập nhật công nợ đúng, đủ và chính xác cuối tháng phải rút được số dư công nợ cho từng chủ nợ.

Hàng tháng phải lên được báo cáo công nợ, biết được chi tiết công nợ của từng chủ nợ .

Khi cần tìm được số dư công nợ của từng người, từng bộ phận một cách nhanh nhất.

Cuối mỗi kỳ báo cáo phải lấy được xác nhận công nợ của các đơn vị và cá nhân nợ .

- Kế toán chi phí, hàng hoá tồn kho:

+ Kế toán hàng hoá tồn kho

Hàng ngày phải vào và cập nhật chi tiết từng hoá đơn mua và bán hàng, mở thẻ kho theo dõi hàng hoá trên thẻ kho ghi rõ :

Tên quy cách, phẩm chất, Chủng loại, Đơn giá, Lượng

Hàng tháng phải lên báo cáo xuất nhập tồn kho, trên báo cáo xuất nhập tồn phải thể hiện được lượng, đơn giá của từng loại hàng hoá.

+ Kế toán chi phí

Hàng ngày phải cập nhật chi phí vào sổ theo dõi chi phí .

Trên sổ chi phí phân ra : Chi phí tiền lương, Chi phí ăn ca, Chi bảo hiểm xã hội, Chi phí nguyên nhiên vật liệu, Chi phí dịch vụ mua ngoài, Chi phí khấu hao tài sản cố định, Thuế, phí, lệ phí, Các khoản chi phí khác

Hàng tháng phải tổng hợp được tổng chi phí phát sinh

- **Thủ Quỹ:** Phản ánh thu, chi, tồn quỹ tiền mặt hằng ngày đối chiếu tồn quỹ thực tế với sổ sách để phát hiện những sai sót và xử lý kịp thời đảm bảo tồn quỹ thực tế tiền mặt cũng bằng số dư trên sổ sách.

2.1.5. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty:

Để phù hợp với đặc điểm và quy mô kinh doanh, Công ty áp dụng hình thức kế toán vừa tập trung vừa phân tán. Mọi nghiệp vụ phát sinh (phản ánh, ghi chép, lưu trữ chứng từ, hệ thống sổ sách kế toán và hệ thống báo cáo) đều được thực hiện ở phòng kế toán. Tuy nhiên có phân tán nghiệp vụ xuống đơn vị trực thuộc là các Xí nghiệp, phòng kinh doanh. Các đơn vị này lập chứng từ ban đầu của các nghiệp vụ phát sinh, sao đó định kỳ lập bảng kê tổng hợp chứng từ theo từng loại nghiệp vụ gửi về phòng kế toán. Công ty thực hiện hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết các nghiệp vụ phát sinh trên máy tính. Trên cơ sở số liệu kế toán tập trung lập báo cáo quyết toán của Công ty.

Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán, chế độ thể lệ kế toán, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trình độ của đội ngũ kế toán và yêu cầu quản lý, công ty cổ phần TBPT Hải Phòng áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung: Theo hình thức nhật ký chung, hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc đã đ-ợc kiểm tra (các phiếu nhập, xuất kho, phiếu thu, chi tiền, giấy báo nợ, có...) kế toán vào nhật ký chung, sổ chi tiết. Từ nhật ký chung, kế toán vào Sổ cái TK, đến cuối tháng kế toán tập hợp từ sổ cái để vào bảng cân đối TK, đồng thời từ bảng cân đối TK và sổ tổng hợp chi tiết để vào báo cáo kế toán

Hệ thống sổ kế toán mà Công ty áp dụng bao gồm:

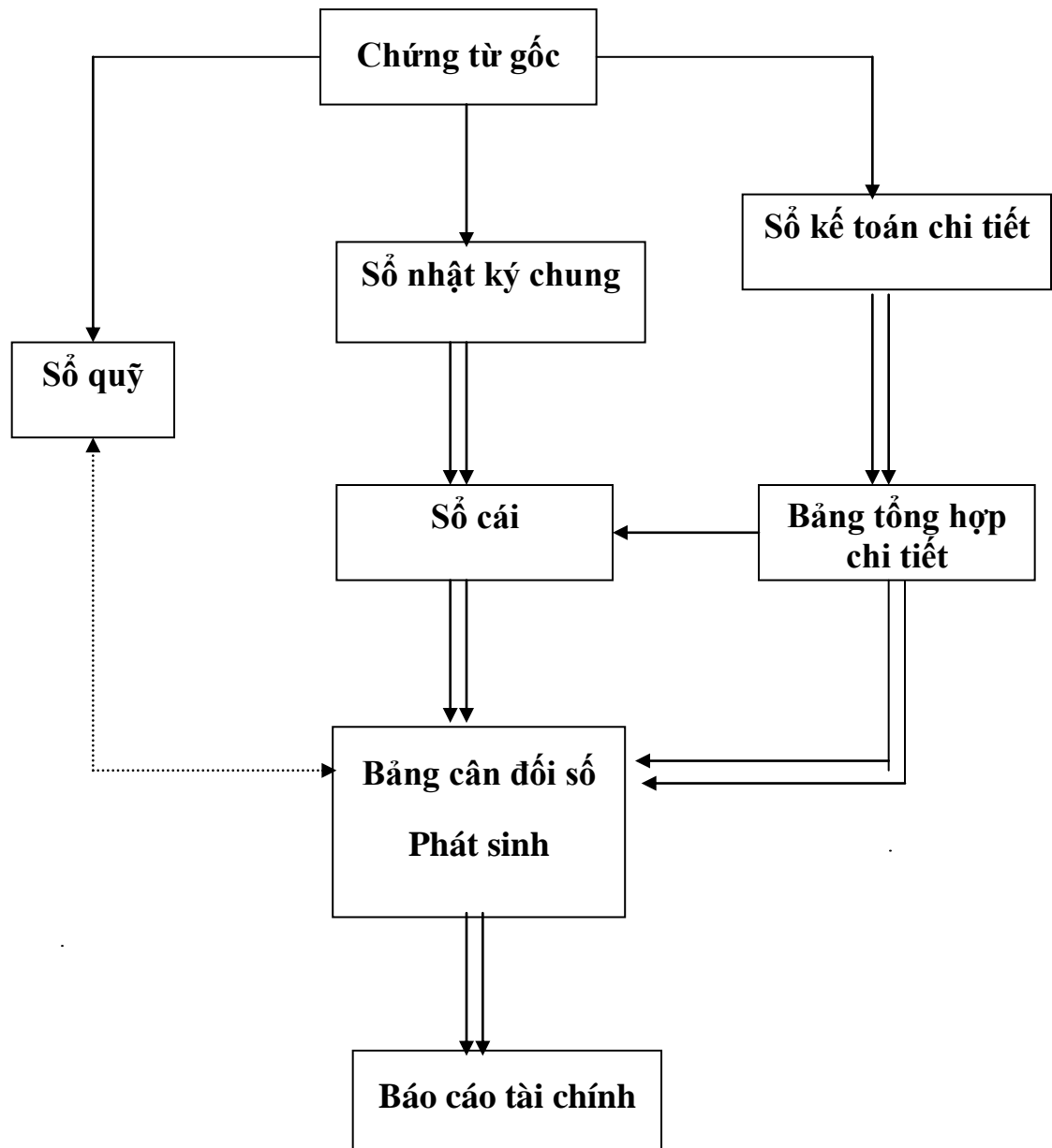
- Sổ kế toán tổng hợp: sổ nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- sổ cái tài khoản.
- Sổ chi tiết: được mở chi tiết theo đối tượng tập hợp chi phí.

Trình tự ghi chép sổ.

Các nhật ký sổ tổng hợp sổ chi tiết ..đều được khai báo trong máy vi tính theo đúng các mẫu sổ sách theo quy định của chế độ kế toán hiện hành. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hằng ngày hoặc các bút toán kết chuyển thực hiện vào cuối tháng, cuối quý đều phải được định khoản, cập nhật vào máy vi tính. Các bộ phận kế toán có nhiệm vụ in các bảng kê, sổ chi tiết, sổ tổng hợp và các nhật

ký, kiểm tra tính chính xác và hợp lý của số liệu, thực hiện quan hệ đối chiếu giữa các bộ phận và các sổ có liên quan, lưu trữ sổ sách đúng chế độ quy định

Trình tự ghi sổ kế toán của công ty cổ phần TBPT Hải Phòng



Ghi chú:

Ghi hằng ngày: →

Ghi cuối quý: ==>

Kiểm tra đối chiếu: <-.->

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng Hải Phòng

Do lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán phù hợp nên phòng kế toán luôn hoàn thành tốt công tác hạch toán kế toán, đảm bảo xử lý thông tin tài chính kế

toán một cách nhanh chóng áp dụng phương pháp kế toán máy nhằm làm giảm khối lượng công việc ghi chép và tính toán hàng ngày nhằm nâng cao hiệu suất công tác kế toán của Công ty.

2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG HẢI PHÒNG

Về tổ chức, thực hiện các chức năng nhiệm vụ, nội dung công tác kế toán trong Công ty do bộ máy kế toán đảm nhiệm. Do vậy việc tổ chức cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán sao cho phù hợp, hợp lý và gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả là điều kiện quan trọng để cung cấp thông tin kế toán một cách kịp thời chính xác, đầy đủ và hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin. Đồng thời phát huy và nâng cao trình độ nghiệp vụ của các cán bộ kế toán của nhà máy để vừa đáp ứng được những yêu cầu cơ bản trên lại phù hợp với đặc điểm sản xuất và đặc điểm tổ chức quản lý Công ty đã lựa chọn loại hình tổ chức công tác kế toán tập chung. Toàn bộ công tác kế toán được thực hiện tại phòng kế toán - tài chính của Công ty (từ việc ghi sổ chi tiết, sổ tổng hợp đến việc lập báo cáo kế toán...).

Việc tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung của Công ty đã đảm bảo được sự lãnh đạo tập trung thống nhất đối với công tác kế toán kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kế toán một cách kịp thời giúp cho giám đốc nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty.

Do lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán phù hợp nên phòng kế toán luôn hoàn thành tốt công tác hạch toán kế toán, đảm bảo xử lý thông tin tài chính kế toán một cách nhanh chóng áp dụng phương pháp kế toán máy nhằm làm giảm khối lượng công việc ghi chép và tính toán hàng ngày nhằm nâng cao hiệu suất công tác kế toán của Công ty.

Phòng kế toán tập trung của công ty gồm 9 người hầu hết đều có trình độ Đại học, bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức như sau:

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ : Tiền mặt là số vốn bằng tiền được thủ quỹ bảo quản trong két sắt an toàn của Công ty. Công ty không phát sinh hoạt động về ngoại tệ hay vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại Công ty được chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành của Nhà nước.

Thủ quỹ đảm nhận việc thu chi tiền mặt ở quỹ của Công ty. Khi phát sinh nghiệp vụ về tiền mặt, kế toán tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi. Phiếu thu phiếu chi được lập làm 2 đến 3 liên đầy đủ nội dung, có đủ chữ ký người thu, người

nhận, người cho phép xuất nhập quỹ, sau đó chuyển cho kế toán trưởng duyệt (*riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị*). Một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu (hoặc chi) tiền. Sau khi nhập (hoặc xuất) tiền thủ quỹ phải đóng dấu “đã thu” hoặc “đã chi” và ký tên vào phiếu thu, giữ một liên để ghi sổ quỹ, một liên giao cho người nộp (hoặc nhận) tiền. Cuối ngày chuyển cho kế toán để ghi sổ.

Phiếu chi được kèm với HĐGTGT (Liên 2: Giao cho khách hàng)

Phiếu thu được kèm với HĐGTGT (Liên 3: Nội bộ)

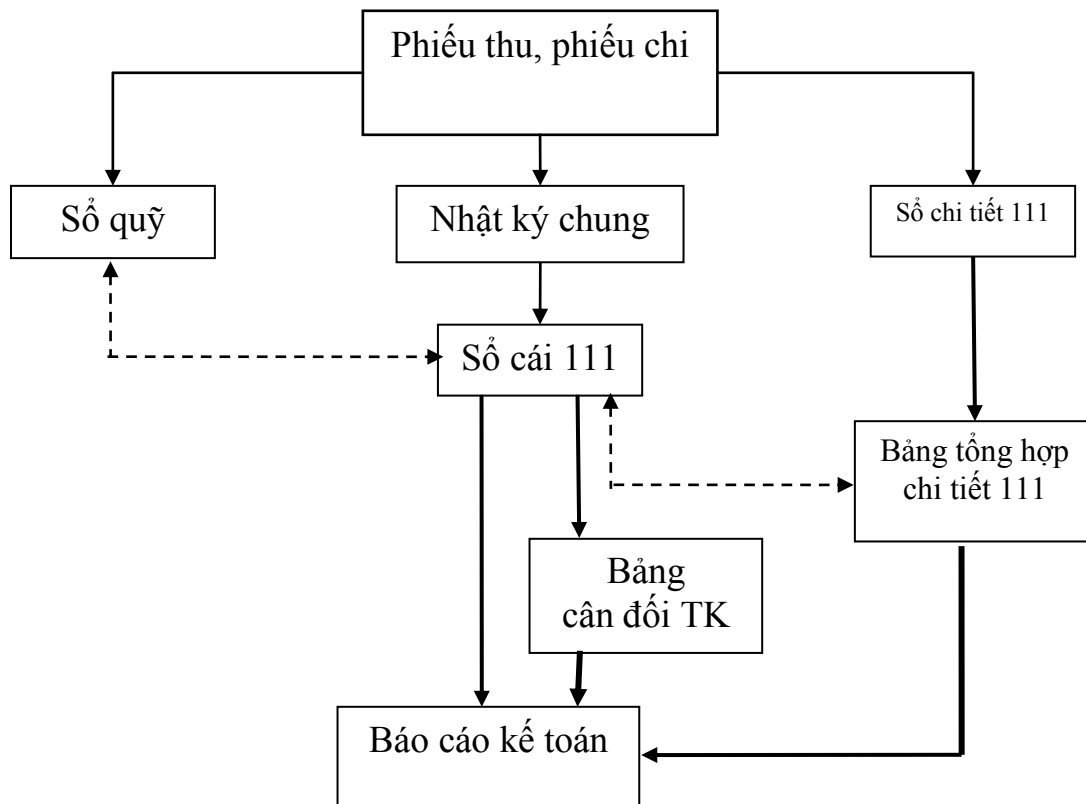
✓ *TK sử dụng: 111- Tiền mặt*

✓ *Các chứng từ Công ty sử dụng trong kế toán tiền mặt:*

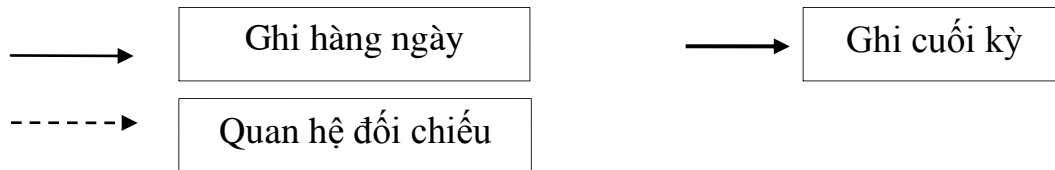
- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Giấy nộp tiền
- Giấy thanh toán tiền.
- Biên lai thu tiền
- Giấy đề nghị tạm ứng

✓ *Quy trình luân chuyển chứng từ:*

Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền mặt tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 2.6) :



Ghi chú:



Sơ đồ 2.6. Quy trình luân chuyển chứng từ tiền mặt tại Cty cổ phần TBPT Hải Phòng

Khi có nghiệp vụ thu chi tiền mặt xảy ra, kế toán sẽ căn cứ vào hoá đơn bán hàng hoặc mua hàng để lập phiếu thu, phiếu chi; sau đó phiếu thu hoặc phiếu chi sẽ được chuyển cho thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, đồng thời ghi sổ quỹ. Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi kế toán tổng hợp sẽ vào sổ nhật ký chung, vào sổ chi tiết tài khoản tiền mặt, từ sổ nhật ký chung sẽ vào sổ cái tiền mặt; cuối mỗi quý, căn cứ vào sổ chi tiết và sổ cái đã lập kế toán vào sổ tổng hợp chi tiết, bảng cân đối tài khoản và báo cáo kế toán cho quý đó.

2.2.1.1. Kế toán thu, chi tiền mặt

a. Kế toán thu tiền mặt

Các nguồn thu chủ yếu của Công ty bao gồm :

- Thu từ việc bán hàng hoá, kinh doanh dịch vụ
- Thu tạm ứng
- Thu lãi từ tiền gửi Ngân hàng
- Các khoản thu khác

Tháng 12 năm 2009 Công ty cổ phần TBPT Hải Phòng có rất nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản thu, chi sau đây em xin trích dẫn một số nghiệp vụ chủ yếu :

Nghiệp vụ 1 :

Ngày 01/12/2009, Công ty TNHH Thương mại dịch vụ tổng hợp Tấn Tài thanh toán tiền hàng còn nợ cho Công ty theo HĐ0093178 mua từ ngày 25/11/2009. Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt thì căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0093178 (Liên 3 : Nội bộ - biểu 2.1), kế toán viết phiếu thu số PT825 (biểu 2.2)

Đơn vị: Công ty CPTBPT Hải Phòng
Địa chỉ: 5A Võ Thị Sáu - Ngô Quyền - HP

Mẫu số 01-TT
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Số: PT825

Ngày 01 tháng 12 năm 2009

NỢ: 111

CÓ: 131

Họ và tên người nộp tiền: Cty TNHH Thương mại dịch vụ VT Tấn Tài
Địa chỉ: 22 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng
Lý do nộp: Thu tiền bán 01 máy xúc đào PC120-3
Số tiền: 510.000.000đ (viết bằng chữ) Năm trăm mười triệu đồng chẵn..
Kèm theo: HD0093178

Ngày 01 tháng 12 năm 2009

| Thủ trưởng đơn vị | Kế toán trưởng | Người lập phiếu | Người nộp | Thủ quỹ |
|--------------------------|-----------------------|------------------------|------------------|----------------|
| (Ký, họ tên, đóng dấu) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Năm trăm mười triệu đồng chẵn..

Biểu 2.2 : Phiếu thu tiền mặt PT825

Nghiệp vụ 2:

Ngày 31/12/2009 Công ty cổ phần TM Nam Đạt nộp phí thuê kho bãi quý IV/2009 có HDGTGT 0093192 (biểu 2.3) , căn cứ vào hoá đơn này kế toán viết phiếu thu số PT837 (biểu 2.4)

| <p>HOÁ ĐƠN Mẫu số: 01 GTKT-3LL GIÁ TRỊ GIA TĂNG HS/2009B Liên 3 : Nội bộ 0093192 Ngày 31 tháng 12 năm 2009</p> | | | | | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|-----------------|------------------------------------------|------------|
| Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần TBPT Hải Phòng Địa chỉ: 5A Võ Thị Sáu – Ngô Quyền - HP Số tài khoản: Điện thoại: MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value=""/> <input type="text" value=""/> <input type="text" value=""/> <input type="text" value=""/> | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty cổ phần TM Nam Đạt Địa chỉ: 21 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value=""/> <input type="text" value=""/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> | | | | | |
| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Phí thuê kho bãi quý I/2009 | Quý | 01 | 9.000.000 | 9.000.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 9.000.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 900.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 9.900.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu chín trăm ngàn đồng chẵn. | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên) | |
| (Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn) | | | | | |

Biểu 2.3 : Hoá đơn GTGT 0041420

Đơn vị: Công ty CPTBPT Hải Phòng
Địa chỉ: 5A Võ Thị Sáu - Ngô Quyền - HP

Mẫu số 01-TT
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Số: PT837

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NỢ: 111

CÓ: 5111; 3331

Họ và tên người nộp tiền: Công ty cổ phần TM Nam Đạt

Địa chỉ: 21 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng

Lý do nộp: Thu tiền thuê kho quý IV/2009

Số tiền: 9.900.000đ (viết bằng chữ) Chín triệu chín trăm ngàn đồng chẵn.

Kèm theo: HĐ 0093192

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

| Thủ trưởng đơn vị | Kế toán trưởng | Người lập phiếu | Người nộp | Thủ quỹ |
|--------------------------|-----------------------|------------------------|------------------|----------------|
| (Ký, họ tên, đóng dấu) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Chín triệu chín trăm ngàn đồng chẵn.

Biểu 2.4: Phiếu thu tiền mặt PT837

Nghiệp vụ 3 :

Ngày 31/12/2009, bà Nguyễn Thị Phương nộp tiền hoàn ứng theo PC số 211 ngày 7/9/2009 số tiền là 760.000đ có giấy nộp tiền như sau (biểu 2.5):

| GIẤY NỘP TIỀN | | |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------|------------------|
| Họ và tên : Nguyễn Thị Phương | | |
| Bộ phận công tác : Phòng kinh doanh | | |
| Số tiền nộp bằng số : 760.000 đ | | |
| Bằng chữ : Bảy trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn. | | |
| Nội dung : nộp tiền hoàn ứng theo PC số 211 ngày 7/9/2009 | | |
| <i>Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009</i> | | |
| Giám đốc | Kế toán trưởng | Người nộp |

Biểu 2.5 : Giấy nộp tiền

Căn cứ vào giấy nộp tiền kế toán viết phiếu thu số PT838(biểu 2.6) với nội dung nộp tiền hoàn ứng theo PC số 211 ngày 7/9/2009.

Đơn vị: Công ty CPTBPT Hải Phòng
Địa chỉ: 5A Võ Thị Sáu - Ngô Quyền - HP

Mẫu số 01-TT
 Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20 tháng 3 năm 2006
 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Số: PT838

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NỢ: 111

CÓ: 141

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Phương

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do nộp: nộp tiền hoàn ứng theo PC số 211 ngày 7/9/2009

Số tiền: 760.000đ (viết bằng chữ) Bảy trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn..

Kèm theo 01 chứng từ kế toán giấy nộp tiền

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

| | | | | |
|--------------------------|-----------------------|------------------------|------------------|----------------|
| Thủ trưởng đơn vị | Kế toán trưởng | Người lập phiếu | Người nộp | Thủ quỹ |
| (Ký, họ tên, đóng dấu) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bảy trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.

Biểu 2.6 : Phiếu thu tiền mặt PT 838

b. Kế toán chi tiền mặt

Các nguồn chi chủ yếu của Công ty bao gồm :

- Chi tạm ứng
- Chi mua vật tư, tài sản, hàng hóa, công cụ dụng cụ, nhiên liệu
- Chi thanh toán lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên
- Chi trả nợ cho người bán và Ngân hàng
- Chi các khoản nộp ngân sách Nhà nước
- Các khoản chi khác

Sau đây em xin trích một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản chi tháng 12 năm 2009 tại Công ty cổ phần TBPT Hải Phòng :

Nghiệp vụ 1 :

Ngày 29/12/2009, Công ty nộp tiền cước phí dịch vụ viễn thông tháng 11, có HĐGTGT (liên 2) số 73018 (biểu 2.7), căn cứ vào hoá đơn kế toán viết phiếu chi PC379 (biểu 2.8)

| | |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Liên 2: Giao khách hàng (Customer)</p> | |
| <p>Mẫu số: 01GTKT-2LN-03 VT01 Ký hiệu (Serial No): AB/2009T Số (No): 0073018</p> | |
| <p>Mã số: 0200287977-022 TT Dịch Vụ Khách Hàng - VNPT - Số 4 Lạch Tray Tên khách hàng (Customer's name): Công ty Cổ phần TBPT Hải Phòng MS: 0200138887 Địa chỉ (Address): 5^A Võ Thị Sáu – Ngô Quyền – Hải Phòng Số điện thoại (Tel): 0313.822744 Mã số (code): HPG-04-45192(T22NGOQUYEN) Hình thức thanh toán (Kind of Payment): </p> | |
| DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE) | THÀNH TIỀN (AMOUNT) VNĐ |
| <p>KỲ HOÁ ĐƠN THÁNG 11 NĂM 2009 Doanh thu VNPT Doanh thu VNPT không chịu thuế Khuyến mại + chiết khấu Doanh nghiệp khác</p> | <p>1.276.856</p> |
| <i>Cộng tiền dịch vụ(Total) (1):</i> | 1.276.856 |
| <i>Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%\times(1)= Tiền thuế GTGT(VAT amount)(2):</i> | 127.686 |
| <i>Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):</i> | 1.404.542 |
| <p><i>Số tiền viết bằng chữ (in word):</i> Một triệu, bốn trăm linh bốn nghìn, năm trăm bốn hai đồng chẵn.</p> | |
| <p>Người nộp tiền ký (Signature of payer)</p> | <p>Ngày 29 tháng 12 năm 2009 Nhân viên giao dịch ký (Signature of dealing staff)</p> |

Biểu 2.7 : Hoá đơn DV viễn thông

Đơn vị: Công ty CPTBPT Hải Phòng
Địa chỉ: 5A Võ Thị Sáu - Ngô Quyền - HP

Mẫu số 02-TT
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số: PC379

Ngày 29 tháng 12 năm 2009

NỢ: 642; 1331

CÓ: 111

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Văn Hiệp

Địa chỉ: TT dịch vụ khách hàng số 4 Lạch Tray

Lý do chi: T/toán tiền cước viễn thông: **1.404.542đ**

Số tiền: **1.404.542đ** (viết bằng chữ) **Một triệu, bốn trăm linh bốn nghìn, năm trăm bốn hai đồng chẵn.**

Kèm theo...HD: **0073018**

Ngày 29 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): **Một triệu, bốn trăm linh bốn nghìn, năm trăm bốn hai đồng chẵn.**

Biểu 2.8 : Phiếu chi tiền mặt PC379

Nghiệp vụ 2 :

Ngày 29/12/2009, ông Nguyễn Hoàng Hải đề nghị tạm ứng tiền sửa chữa xe ô tô CAMRY 3.5Q của Công ty với số tiền là 14.000.000 đồng. Có giấy đề nghị tạm ứng như (biểu 2.9). Sau khi được sự đồng ý tạm ứng của Tổng giám đốc và kế toán trưởng thì kế toán tiền hành lập phiếu chi 380 (biểu 2.10) và thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi đó chi tiền cho người đề nghị tạm ứng.

Đơn vị: Công ty CPTBPT Hải Phòng

Địa chỉ: 5A Võ Thị Sáu - Ngô Quyền – HP

Mẫu số 03 -TT

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 29 tháng 12 năm 2009

Kính gửi: Ông T. Giám đốc CTCP TBPT Hải Phòng

Tên tôi là: Nguyễn Hoàng Hải

Địa chỉ: Lái xe Công ty (Phòng hành chính)

Đề nghị cho tôi tạm ứng số tiền: 14.000.000đ (viết bằng chữ: Mười bốn triệu đồng chẵn)

Lý do tạm ứng: Sửa chữa xe ô tô CAMRY 3.5Q

Thời hạn thanh toán: 14/01/2010

Kèm theo.....chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 12 năm 2009

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, họ tên)

Người đề nghị tạm ứng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.9 : Giấy đề nghị tạm ứng

Đơn vị: Công ty CPTBPT Hải Phòng
Địa chỉ: 5A Võ Thị Sáu - Ngô Quyền - HP

Mẫu số 02-TT
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số: PC380

Ngày 29 tháng 12 năm 2009

NỢ: 141

CÓ: 111

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Hoàng Hải

Địa chỉ: Cty cổ phần TBPT Hải Phòng (Phòng Hành Chính)

Lý do chi: Tạm ứng tiền S/c xe ô tô CAMRY3.5Q

Số tiền: 14.000.000 (viết bằng chữ) Mười bốn triệu đồng chẵn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc.....

Ngày 29 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười bốn triệu đồng chẵn.

Biểu 2.10 : Phiếu chi tiền mặt PC380

Nghiệp vụ 3 :

Ngày 30/12/2009, Công ty mua hàng hóa 01 bộ xích máy xúc đào KOMATSU PC200-3 của DNTN Dũng Cơ Giới sau khi ký Hợp đồng kinh tế và có HĐGTGT như sau (biểu 2.11). Căn cứ vào HĐ GTGT của đơn vị bán hàng cung cấp, kế toán của Công ty lập phiếu chi PC381 để thanh toán (biểu 2.12)

| <p>HOÁ ĐƠN Mẫu số: 01 GTKT-3LL</p> <p>GIÁ TRỊ GIA TĂNG RM/2009B</p> <p>Liên 2: Giao khách hàng 0005571</p> <p>Ngày 30 tháng 12 năm 2009</p> | | | | | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------|------------|
| Đơn vị bán hàng: DNTN Dũng Cơ Giới Địa chỉ: 1180 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm - Hải An - HP Số tài khoản: Điện thoại: MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty Cổ phần TBPT Hải Phòng Địa chỉ: 5A Võ Thị Sáu – Ngô Quyền - HP Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> | | | | | |
| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Xích máy xúc đào bánh xích Hiệu: KOMATSU PC200-3 Do Nhật bản sản xuất (Đã qua sử dụng) | Bộ | 01 | 18.857.143 | 18.857.143 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 18.857.143 |
| Thuế suất GTGT: 5% | | | Tiền thuế GTGT: | | 942.857 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 19.800.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn. | | | | | |
| Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> | | Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> | | Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> | |
| <p><i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i></p> | | | | | |

Biểu 2.11 : Hoá đơn GTGT0005571

Đơn vị: Công ty CPTBPT Hải Phòng
Địa chỉ: 5A Võ Thị Sáu - Ngô Quyền - HP

Mẫu số 02-TT
 Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20 tháng 3 năm 2006
 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số: PC381

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

NỢ: 156; 1331

CÓ: 111

Họ và tên người nhận tiền: DNTN Dũng Cơ Giới

Địa chỉ: 1180 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm - Hải An - HP

Lý do chi: Trả tiền hàng

Số tiền: 19.800.000đ (viết bằng chữ) Mười chín triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo...HD0005571...chứng từ gốc.....

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười chín triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn.

Biểu 2.12 : Phiếu chi tiền mặt PC381

Phiếu thu, phiếu chi hàng ngày được chuyển cho thủ quỹ để thực hiện thanh toán và vào sổ quỹ tiền mặt (biểu 2.13), sau đó chứng từ sẽ tiếp tục được chuyển cho kế toán để vào sổ nhật ký chung (biểu 2.14), đồng thời vào sổ chi tiết TK 111 (biểu 2.15), từ sổ NKC kế toán tiếp tục vào sổ cái TK 111 (biểu 2.16);

CÔNG TY CP TBPT HẢI PHÒNG

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Trích tháng 12 năm 2009

| Ngày tháng ghi sổ | Ngày tháng chứng từ | Số hiệu chứng từ | | Diễn giải | Số tiền | | | Ghi chú |
|-------------------|---------------------|------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|----------------------|---------|
| | | Thu | Chi | | Thu | Chi | Tồn | |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | G |
| | | | | <u>Dư đầu năm</u> | | | 1.029.610.222 | |
| | | | | <u>Dư đầu tháng 12</u> | | | <u>103.467.669</u> | |
| 01/12 | 01/12 | PT825 | | Thu tiền hàng HD93178 | 510.000.000 | | 613.467.669 | |
| 01/12 | 01/12 | PT826 | | Hoàng Quốc Hoàn hoàn tạm ứng | 5.500.000 | | 618.967.669 | |
| 01/12 | 01/12 | | PC334 | Phí Hải quan | | 11.500.000 | 607.467.669 | |
| 02/12 | 02/12 | PT827 | | Rút tiền gửi nhập quỹ TM | 1.150.000.000 | | 1.757.467.669 | |
| 02/12 | 02/12 | PT828 | | Võ Duy Long nộp tiền đặt cọc mua máy xúc đào | 100.000.000 | | 1.857.467.669 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 29/12 | 29/12 | PT836 | | Thu tiền hàng HD0093191 | 21.300.000 | | 1.065.373.500 | |
| 29/12 | 29/12 | | PC379 | Chi cước viễn thông | | 1.404.542 | 1.063.968.958 | |
| 29/12 | 29/12 | | PC380 | Chi tạm ứng | | 14.000.000 | 1.035.368.958 | |
| 30/12 | 30/12 | | PC381 | Trả tiền hàng HD0005571 | | 19.800.000 | 1.015.568.958 | |
| 31/12 | 31/12 | PT837 | | Thu phí thuê kho bãi HD0093192 | 9.900.000 | | 1.025.468.958 | |
| 31/12 | 31/12 | PT838 | | Nguyễn Thị Phương nộp tiền hoàn ứng theo PC số 211 ngày 7/9/2009 | 760.000 | | 1.026.228.958 | |
| 31/12 | 31/12 | | PC382 | Trả tiền hàng HD44105 | | 15.700.000 | 1.010.528.958 | |
| 31/12 | 31/12 | PT839 | | Thu tiền hàng HD0093193 | 5.500.000 | | 1016.028.958 | |
| 31/12 | 31/12 | | PC383 | Lương CBCNV T12 | | 528.023.989 | 488.004.969 | |
| | | | | Cộng phát sinh T12 | 4.754.682.030 | 4.370.144.730 | | |
| | | | | Luỹ kế phát sinh | 47.429.730.732 | 47.971.336.485 | | |
| | | | | Số dư cuối kỳ | | | 488.004.969 | |

Biểu 2.13 : Sổ quỹ tiền mặt

CÔNG TY CP TBPT HẢI PHÒNG

NHẬT KÝ CHUNG

Trích tháng 12 năm 2009

ĐVT: Đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn Giải | ĐG SC | STT đồng | Số hiệu TK | | Số phát sinh | |
|-----------|----------|------------|-------------------------------------|-------|----------|------------|------|-----------------|-----------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | H | I | 1 | 2 |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | | | 241.837.454.142 | 241.837.454.142 |
| 01/12 | PT825 | 01/12 | Thu tiền hàng HD0093178 | x | | 111 | | 510.000.000 | |
| | HD 93178 | 25/11 | | x | | | 131 | | 510.000.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 29/12 | PC379 | 29/12 | Chi cước viễn thông | x | | 642 | | 1.276.856 | |
| | HD 73018 | 29/12 | | x | | 1331 | | 127.686 | |
| | | | | x | | | 111 | | 1.404.542 |
| 29/12 | PC380 | 29/12 | Chi tạm ứng | x | | 141 | | 14.000.000 | |
| | | | | x | | | 111 | | 14.000.000 |
| 30/12 | PC381 | 30/12 | Mua hàng trả bằng TM | x | | 156 | | 18.857.143 | |
| | HD 5571 | 30/12 | | x | | 1331 | | 942.857 | |
| | | | | x | | | 111 | | 19.800.000 |
| 31/12 | PT837 | 31/12 | Thu phí thuê kho bãi | x | | 111 | | 9.900.000 | |
| | HD 93192 | 31/12 | | x | | | 511 | | 9.000.000 |
| | | | | x | | | 3331 | | 900.000 |
| 31/12 | PT838 | 31/12 | Nguyễn Thị Phương nộp tiền hoàn ứng | x | | 111 | | 760.000 | |
| | | | | x | | | 141 | | 760.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Cộng PS tháng 12 | | | | | 19.173.640.418 | 19.173.640.418 |
| | | | Lũy kế PS | | | | | 259.997.543.178 | 259.997.543.178 |

Biểu 2.14 : Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CP TBPT HẢI PHÒNG

SỔ KẾ TOÁN

CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản : 111
 Loại quỹ : Tiền mặt VN
 Trích tháng 12 năm 2009

ĐVT : Đồng

| NT chứng từ | Số hiệu CT | | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | | Số tồn |
|-------------|------------|-------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------|-----------------------|---------------|
| | Thu | Chi | | | Nợ | Có | |
| | | | Dư đầu kỳ | | | | 103.467.669 |
| 01/12 | PT825 | | Thu tiền hàng HĐ93178 | 131 | 510.000.000 | | 613.467.669 |
| 01/12 | PT826 | | Hoàng Quốc Hoàn hoàn tạm ứng | 141 | 5.500.000 | | 618.967.669 |
| 01/12 | | PC334 | Phí Hải quan | 641 | | 11.500.000 | 607.467.669 |
| 02/12 | PT827 | | Rút tiền gửi nhập quỹ TM | 112 | 1.150.000.000 | | 1.757.467.669 |
| 02/12 | PT828 | | Võ Duy Long nộp tiền đặt cọc mua hàng | 131 | 100.000.000 | | 1.857.467.669 |
| ... | ... | ... | ... | | ... | ... | |
| 29/12 | PT836 | | Thu tiền hàng HĐ93191 | 511 3331 | 20.285.714 1.014.286 | | 1.050.773.500 |
| 29/12 | | PC379 | Chi cước viễn thông | 642 1331 | | 1.276.856 127.686 | 1.049.368.958 |
| 29/12 | | PC380 | Chi tạm ứng | 141 | | 14.000.000 | 1.035.368.958 |
| 30/12 | | PC381 | Trả tiền hàng HĐ005571 | 156 1331 | | 18.857.143 942.857 | 1.015.568.958 |
| 31/12 | PT837 | | Thu phí thuê kho bãi HĐ93192 | 511 3331 | 9.000.000 900.000 | | 1.025.468.958 |
| 31/12 | PT838 | | Nguyễn Thị Phương nộp tiền hoàn ứng | 141 | 760.000 | | 1.026.228.958 |
| 31/12 | | PC382 | Trả tiền hàng HĐ44105 | 156 1331 | | 14.952.381 747.619 | 1.010.528.958 |
| 31/12 | PT839 | | Thu tiền hàng HĐ93193 | 511 3331 | 5.000.000 500.000 | | 1.016.028.958 |
| 31/12 | | PC383 | Lương CBCNV T12 | 334 | | 528.023.989 | 488.004.969 |
| | | | Cộng PS tháng 12 | | 4.754.682.030 | 4.370.144.730 | |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | | 488.004.969 |

Biểu 2.15 : Sổ chi tiết tiền mặt

CÔNG TY CP TBPT HẢI PHÒNG

SỔ CÁI

Tài khoản : 111 – Tiền mặt

Trích tháng 12 năm 2009

ĐVT : Đồng

| Ngày tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Nhật ký chung | | TK đối ứng | Số tiền | |
|-------------------|--------------|--------------|--------------------------------------------|---------------|------|-------------|----------------------|-------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | Trang | Dòng | | Nợ | Có |
| | | | <u>Số dư đầu tháng 1</u> | | | | 1.029.610.222 | |
| | | | <u>Số dư đầu tháng 12</u> | | | | <u>103.467.669</u> | |
| 01/12 | PT825 | 01/12 | Thu tiền hàng HD93178 | | | 131 | 510.000.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 29/12 | PC379 | 29/12 | Chi cước viễn thông | | | 642 | | 1.276.856 |
| | | | | | | 1331 | | 127.686 |
| 29/12 | PC380 | 29/12 | Chi tạm ứng | | | 141 | | 14.000.000 |
| 30/12 | PC381 | 30/12 | Mua hàng trả bằng TM | | | 156 | | 18.857.143 |
| | | | | | | 1331 | | 942.857 |
| 31/12 | PT837 | 31/12 | Thu phí thuê kho bãi | | | 511 | 9.000.000 | |
| | | | | | | 3331 | 900.000 | |
| 31/12 | PT838 | 31/12 | Nguyễn Thị Phương nộp tiền hoàn ứng | | | 141 | 760.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Cộng phát sinh | | | | 4.754.682.030 | 4.370.144.730 |
| | | | Luỹ kế số phát sinh | | | | 47.429.730.732 | 47.971.336.485 |
| | | | <u>Số dư cuối kỳ</u> | | | | <u>488.004.969</u> | |

Biểu 2.16 : Sổ cái tiền mặt

2.2.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Công ty

Cùng với hoạt động tiền mặt, hoạt động tiền gửi ngân hàng cũng đóng vai trò quan trọng và diễn ra thường xuyên tại Công ty, thể hiện tính đa dạng hoá về hình thức thanh toán, thuận lợi trong việc luân chuyển tiền tệ.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và thanh toán không dùng tiền mặt toàn bộ vốn bằng tiền của Công ty trừ số được phép để lại quỹ để chi tiêu hàng ngày còn lại đều

gửi tại Ngân hàng. Trong quá trình sản xuất kinh doanh công ty gửi tài khoản nhân rỗi của mình vào Ngân hàng để thực hiện các nghiệp vụ thanh toán. Khi cần chi tiêu doanh nghiệp phải làm thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền. Việc hạch toán TGNH được công ty mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi.

Hiện nay công ty đang thực hiện giao dịch với 2 ngân hàng là : VP Bank (Ngân hàng TMCP các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam) và Sài Gòn công thương – CN Hải Phòng (Ngân hàng TMCP Sài Gòn công thương – Chi Nhánh Hải Phòng).

Căn cứ để ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi của Công ty là các giấy báo Có, giấy báo Nợ hoặc các bảng sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc như uỷ nhiệm chi, séc chuyển khoản... Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán tiến hành kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có số chênh lệch thì phải báo cáo với ngân hàng để hai bên có biện pháp xử lý. Sau đó kế toán vào các sổ sách liên quan tương tự như nghiệp vụ đối với hoạt động tiền mặt.

➤ *Tài khoản sử dụng:*

Để hạch toán tiền gửi Ngân hàng, kế toán sử dụng TK 112 “Tiền gửi Ngân hàng” (chi tiết TK 1121 - Tiền gửi Việt Nam). Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có, tình hình biến động tất cả các loại tiền của đơn vị gửi tại Ngân hàng.

Chi tiết:

- 112V: Tiền gửi Ngân hàng VP Bank HP
- 112S: Tiền gửi Ngân hàng TMCP Sài Gòn công thương – CN Hải Phòng

Công ty không phát sinh hoạt động về vàng bạc, kim khí quý, đá quý

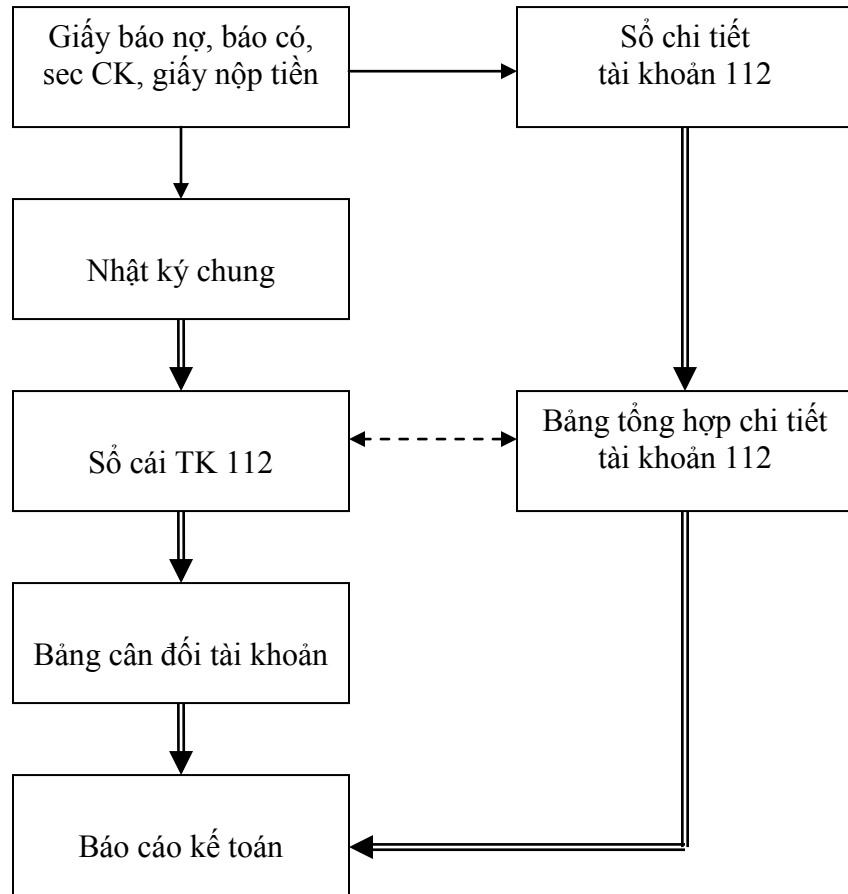
➤ *Các chứng từ sử dụng trong kế toán tiền gửi NH:*

- | | |
|-----------------|---------------------------|
| - Giấy nộp tiền | - Sổ phụ khách hàng |
| - Giấy báo nợ | - Lệnh chuyển tiền |
| - Uỷ nhiệm chi | - Phiếu tính tiền lãi vay |
| - Giấy báo có | |

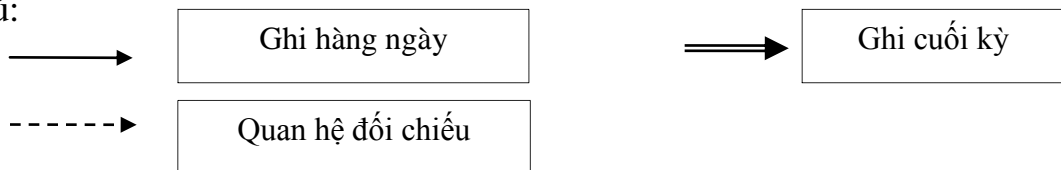
- Các sổ kế toán chi tiết liên quan

➤ *Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Công ty cổ phần TBPT Hải Phòng*

Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 2.7) :



Ghi chú:



Sơ đồ 2.7. Quy trình luân chuyển chứng từ TGNH tại Cty cổ phần TBPT Hải Phòng

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc như giấy báo nợ, giấy báo có, sổ phụ tài khoản,... kế toán tiến hành ghi vào nhật ký chung và đồng thời ghi vào sổ chi tiết tài khoản 112. Tại Công ty sổ chi tiết TK112 được mở chi tiết theo từng Ngân

hàng. Từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK112, cuối tháng tổng hợp từ sổ chi tiết kế toán tiến hành ghi vào bảng tổng hợp chi tiết. Sau khi đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết và sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và trên cơ sở đó lập báo cáo tài chính.

*** *Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng tại Công ty:***

Trong tháng 12 năm 2009 Công ty có rất nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi Ngân hàng. Sau đây em xin trích một số nghiệp vụ phát sinh trong tháng:

Nghiệp vụ 1:

Ngày 01/12/2009, Phạm Khắc Quang nộp tiền vào tài khoản Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn công thương, số tiền 200.000.000đ để đặt cọc mua máy xúc đào PC200-3.

Nghiệp vụ 2:

Ngày 01/12/2009, Nguyễn Thị Lan rút 1.150.000.000đ, tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn công thương nhập quỹ tiền mặt.

Nghiệp vụ 3:

Ngày 01/12/2009, Công ty CP TM Nam Đạt nộp tiền vào tài khoản của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn công thương để thanh toán tiền hàng, tổng số tiền là 747.540.600đ. Công ty nhận được phiếu báo có (biểu 2.17) và sổ phụ của Ngân hàng (biểu 2.18)

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN
CÔNG THƯƠNG
SGBANK HAI PHONG
MST: 0100230800-004

Theo công văn số
21208/CT/AC
Cục thuế TP. HCM

PHIẾU BÁO CÁO
Số: 000312

Ngày 01 tháng 12 năm 2009

Kính gửi: CÔNG TY CP TBPT HẢI PHÒNG
Địa chỉ: 5A Võ Thị Sáu – Ngô Quyền - HP
Mã số thuế: 0200138887
Số ID khách hàng: 20476907

Số tài khoản: 701270406000825
Loại tiền: VNĐ
Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán
Số bút toán hạch toán:
FT0802800173\SGO

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

| Nội dung | Số tiền |
|---------------------|--------------------|
| Chuyển khoản | 747.540.600 |
| Tổng số tiền | 747.540.600 |

Số tiền bằng chữ: Bảy trăm bốn bảy triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm đồng chẵn.

Trích yếu: Trần Thu Hương chuyển tiền vào tài khoản Cty CP TBPT Hải Phòng.

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu 2.17 : Phiếu báo có

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG
THƯƠNG
SGBANK HAI PHONG

SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG

(Ngày 01 tháng 12 năm 2009)

Tài khoản: 701270406000825

Loại tiền: VND

Số tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Số ID khách hàng: 20476907

Khách hàng: CÔNG TY CP TBPT HẢI PHÒNG

| Ngày giao dịch | Diễn giải | Số bút toán | Nợ | Có |
|-----------------|--------------------------------------------------------------|------------------|---------------|---------------|
| Số dư đầu ngày | | | | 959.571.987 |
| 01/12/2009 | Trần Thu Hương chuyển tiền vào TK Cty cổ phần TBPT Hải Phòng | FT0802800173\SGO | | 747.540.600 |
| Số dư cuối ngày | | | | 1.707.112.587 |
| Doanh số ngày | | | 0 | 747.540.600 |
| Doanh số tháng | | | 7.210.000.000 | 7.957.540.600 |
| Doanh số năm | | | 7.210.000.000 | 7.957.540.600 |

KẾ TOÁN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.18 : Sổ phụ khách hàng

Nghiệp vụ 4:

Ngày 31/12/2009, nhận được giấy báo có Cty Văn Quân trả tiền mua hàng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn công thương, số tiền 200.000.000đ để đặt cọc mua máy xúc đào PC200-3.

Nghiệp vụ 5:

Ngày 31/12/2009, cắt tiền từ tài khoản Ngân hàng TMCP Sài Gòn công thương, số tiền 200.000.000đ để trả tiền mua hàng cho DNTN Cường Cơ Giới.

Nghiệp vụ 6:

Ngày 02/12/2009, Nhận được giấy báo có, Cty TNHH Hải An nộp tiền vào tài khoản Công ty tại Ngân hàng VPBANK Hải Phòng, số tiền 650.000.000đ để đặt cọc mua máy xúc đào PC220-5.

Nghiệp vụ 7:

Ngày 04/12/2009, trả tiền mua máy xúc lật KAWASAKI cho Cty cổ phần VLKT Điện tử tài khoản Công ty tại Ngân hàng VPBANK, số tiền 327.000.000 đ.

Nghiệp vụ 8:

Ngày 28/12/2009, Phạm Thu Hoài nộp tiền vào tài khoản Công ty tại VP Bank HP, số tiền 1.215.000.000đ để thanh toán hợp đồng 54/21-12-2009, có giấy nộp tiền (biểu 2.19). Công ty nhận chi tiết hoạt động tài khoản (biểu 2.20), Giấy báo nợ chuyển tiền (biểu 2.21) và lệnh chuyển tiền (biểu 2.22) của Ngân hàng.

VP BANK
Ngân hàng ngoài quốc
doanh

GIẤY NỘP TIỀN
Nộp để ghi vào tài khoản
CASH DEPOSIT REQUIREMENT

Biên lai thu
giao cho người nộp tiền
Số(No)_00227_(Cash collecting
document for payer)
Ngày 28 tháng 12 năm 2009

Người nộp (Depositor): Phạm Thu Hoài

Địa chỉ (Address): 21 Trần Khánh Dư – HP

Người nhận (Beneficiary): Cty CP TBPT Hải Phòng

Địa chỉ (Address): VP Bank HP

Tài khoản (Acc) Có

Số (No) 126203000103

| NỘI DUNG NỘP (Content) | Số tiền (Amount) |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| (Khi nộp tiền phải ghi chi tiết từng khoản)/(List each amount in detail): Nộp tiền vào tài khoản Công ty | 1.215.000.000đ |
| Tổng số tiền bằng chữ: Một tỷ hai trăm mười lăm triệu đồng chẵn. | |
| Cộng (Total amount in words) | 1.215.000.000đ |
| | (Total) |

Người nộp tiền

Thủ quỹ

Sổ phụ

Kiểm soát

Giám đốc Ngân hàng

Biểu 2.19 : Giấy nộp tiền

VP BANK HP

HOẠT ĐỘNG TÀI KHOẢN

Mã số thuế : 0100233583-
004

Ngày 28 tháng 12 năm 2009

Nguyên tệ : VND

Số tài khoản : 143006 / 126203000103

Tên tài khoản : 73681 / Công ty CP TBPT Hải Phòng

| SCT | Phát sinh nợ | Phát sinh có | Số dư | Nội dung |
|--------------|---------------|---------------|---------------|----------------------------------------------------|
| TT0828104988 | | 1.215.000.000 | 1.219.754.112 | Phạm Thu Hoài nộp tiền |
| FT0828102395 | 1.211.427.619 | | 8.326.493 | TK Payment in Advance of sales contract no.71 cars |
| | | | | DD 080929 |

Số dư đầu : 4.754.112

Phát sinh : 1.211.427.619 1.215.000.000

Số dư cuối : 8.326.493

Thanh toán viên

Biểu 2.20 : Hoạt động tài khoản

VP BANK – VP Bank Hải Phòng
MST : 0100233583-004

Số chứng từ: FT0828102395
Ngày 28 tháng 12 năm 2009

GIẤY BÁO NỢ CHUYỂN TIỀN

Mã khách hàng : 73681

Tên khách hàng: Công ty CP TBPT Hải Phòng

Địa chỉ : 5A Võ Thị Sáu – Ngô Quyền – Hải Phòng

MST : 0200138887

Số tài khoản : 143006

Nội dung : Thực hiện lệnh chuyển tiền

Chi tiết như sau:

Số tiền chuyển: 68.000 USD

Tỷ giá: 16.620

Quy đổi VND: 1.130.160.000 VND

Phí chuyển tiền 1.582.224 VND

Điện phí: 83.100 VND

Thuế VAT: 166.532 VND

Tổng cộng: 1.131.991.856 VND

(Một tỷ một trăm ba mươi một triệu chín trăm chín mươi một nghìn tám trăm năm sáu đồng.)

Thực hiện:

Duyệt 1

Duyệt 2

BẢN GỐC DO VP BANK PHÁT HÀNH

(Người được uỷ quyền xác nhận)

Biểu 2.21 : Giấy báo nợ chuyển tiền

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỆNH CHUYỂN TIỀN (REMITTANCE ORDER)

Kính gửi: NGÂN HÀNG NGOÀI QUỐC DOANH VIỆT NAM (VPBANK)

| | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Với trách nhiệm thuộc về phần mình, chúng tôi đề nghị Quý ngân hàng thực hiện chuyển tiền bằng điện theo nội dung sau đây: | |
| 50K: Người ra lệnh (Ordering Customer): <i>MACHINCO5 TRADING SERVICE JOINT STOCK COMPANY</i> <i>NO.5A VO THI SAU, NGO QUYEN, HAI PHONG CITY, VIET NAM</i> | 59: Người hưởng (Beneficiary) H & H TRADING CO., LTD ADD: 576-64 HIYOSHI, CHO ONOSHI, HYOGO 6751315, JAPAN Tài khoản số (Beneficiary's A/C No.) 0994590231 |
| 32: Số và loại ngoại tệ chuyển: (Currency and Amount): USD 68.000 Bằng chữ : Sáu mươi tám ngàn đô la Mỹ chẵn. 70: Nội dung thanh toán (Payment Details): Payment In advance of Sales Contract No: 71 CARS dated 20081219 | 57: Ngân hàng của người thụ hưởng (Beneficiary's Bank): MASHREQ BANK U.A.E BRANCH: INDUSTRIAL AREA BRANCH SHARJAH SWIFT BIC (CODE) |
| 71: Chi tiết phí Phí chuyển tiền trong nước: - Do chúng tôi chịu Phí chuyển tiền ngoài nước: - Do người hưởng chịu | 56: Ngân hàng trung gian (Intermediary Institution) - nếu có SWIFT BIC (CODE): MSHQUS33 |

Nguồn ngoại tệ để thanh toán ra nước ngoài:

Ủy quyền cho Ngân hàng trích TK (VND) của chúng tôi số : 126203000103 mở tại VPBank để mua của VPB số tiền là : 68.000USD

Chúng tôi cam kết việc chuyển tiền này tuân thủ đúng mọi quy định hiện hành về quản lý ngoại hối của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nếu vi phạm chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong trường hợp chuyển tiền trả trước, chúng tôi cam kết bổ sung bản sao bộ chứng từ nhận hàng và xuất trình Tờ khai hải quan gốc chậm nhất 10 ngày sau khi hoàn tất việc nhận hàng để Ngân hàng kiểm tra.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TÀI KHOẢN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ chức danh, họ tên)

Phần dành cho Ngân hàng:

Xác nhận hồ sơ hợp lệ

Hải phòng, ngày 28 tháng 12 năm 2009

Các phí phải thu:

Giám đốc chi nhánh

+ Phí thanh toán: 104.72USD

+ Điện phí: 5.50USD

Biểu 2.22 : Lệnh chuyển tiền

Nghiệp vụ 9:

Ngày 28/12/2009, Ngân hàng VP Bank thu lãi tiền vay vốn và gửi cho Công ty phiếu tính lãi tiền vay (biểu 2.23) và chi tiết hoạt động tài khoản (biểu 2.24)

NGÂN HÀNG NGOÀI QUỐC

DOANH

Mã chi nhánh: VN0010103

Chi nhánh: VP Bank HP

Mã nhân viên: 1184

Mã số thuế: 0100233583-004

PHIẾU TÍNH LÃI TIỀN VAY

Từ ngày 28/11/2009 đến hết ngày 27/12/2009

Khách hàng: 73681 Cty cổ phần TBPT Hải Phòng

Địa chỉ: 5A Vo thi sau – Ngo Quyen- HP

Loại tiền vay: VNĐ

Số hợp đồng: LD0734800146

Số tài khoản: 143006

Số tham chiếu: 103 M0070022/05

| Từ ngày | Đến ngày | Số dư | Số ngày | Lãi | Tiền lãi | Tiền phí |
|------------|------------|---------------|---------|---------|-----------|----------|
| | | | | (%/năm) | | |
| 28/11/2009 | 29/11/2009 | 1.000.000.000 | 2 | 21 | 1.166.667 | 0 |
| 30/11/2009 | 13/12/2009 | 1.000.000.000 | 14 | 21 | 8.166.667 | 0 |
| 14/12/2009 | 26/12/2009 | 1.000.000.000 | 13 | 21 | 7.583.333 | 0 |
| 27/12/2009 | 27/12/2009 | 1.000.000.000 | 1 | 21 | 583.333 | 0 |

Tổng cộng: 17.500.000

Bằng chữ: Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

Ngày 27 tháng 12 năm 2009

LẬP BẢNG

KIỂM SOÁT

Biểu 2.23 : Phiếu tính lãi tiền vay

VP BANK HP

HOẠT ĐỘNG TÀI KHOẢN

Mã số thuế : 0100233583-

Ngày 28 tháng 12 năm 2009

Nguyên tệ : VND

004

Số tài khoản : 143006 / 126203000103

Tên tài khoản : 73681 / Công ty CP TBPT Hải Phòng

| SCT | Phát sinh nợ | Phát sinh có | Số dư | Nội dung |
|--------------|--------------|--------------|-----------|----------------|
| LD0734800146 | 17.500.000 | | 5.267.541 | Thanh toán lãi |
| Số dư đầu : | 22.767.541 | | | |
| Phát sinh : | 17.500.000 | 0 | | |
| Số dư cuối : | 5.267.541 | | | |

Thanh toán viên

Biểu 2.24 : Hoạt động tài khoản

CÔNG TY CP TBPT HẢI PHÒNG

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tài khoản 112S - Tiền gửi Ngân hàng SGBANK – CN HẢI PHÒNG

Số hiệu tài khoản tại Ngân hàng: 701270406000825

(Trích tháng 12 năm 2009)

ĐVT: VNĐ

| CHỨNG TỪ | | DIỄN GIẢI | TK đối ứng | SỐ TIỀN | | |
|-------------|---------------|------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------|----------------|----------------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | Gửi vào | Rút ra | Còn lại |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| | | Dư đầu năm | | | | 327.551.412 |
| | | Dư đầu tháng 12 | | | | 959.571.987 |
| 042S | 01/12 | Phạm Khắc Quang đặt cọc tiền hàng | 131 | 200.000.000 | | 1.159.571.987 |
| 043S | 01/12 | Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt | 111 | | 1.150.000.000 | 9.571.987 |
| 044S | 01/12 | Công ty CP TM Nam Đạt: Thu tiền hàng: | 511 3331 | 711.943.429 35.597.171 | | 747.540.600 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 060S | 31/12 | Thu tiền hàng của Cty TNHH Văn Quân | 131 | 200.000.000 | | 979.445.155 |
| 061S | 31/12 | Trả tiền hàng cho DNTN Cường Cơ Giới | 331 | | 117.658.000 | 861.787.155 |
| 062S | 31/12 | Ngân hàng trả lãi số dư trên TK tháng 12 | 515 | 674.515 | | 862.461.670 |
| | | Phát sinh T12 | | 3.004.658.177 | 2.954.253.000 | |
| | | Lũy kế PS từ đầu năm | | 18.568.150.496 | 17.885.724.744 | |
| | | Dư cuối kỳ | | | | 1.009.977.164 |

Biểu 2.25 : Trích sổ tiền gửi Ngân hàng SGBANK tháng 12/2009

CÔNG TY CP TBPT HẢI PHÒNG

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tài khoản 112V - Tiền gửi Ngân hàng VP Bank
 Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 126203000103 - VNĐ
 (Trích tháng 12 năm 2009)

ĐVT: VNĐ

| CHỨNG TỪ | | DIỄN GIẢI | TK đôi ứng | SỐ TIỀN | | |
|------------|---------------|----------------------------------------------------|------------------|----------------------|---------------------------|--------------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | Gửi vào | Rút ra | Còn lại |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| | | Dư đầu năm | | | | 386.448.713 |
| | | Dư đầu tháng 12 | | | | 430.870.323 |
| 035V | 02/12 | Thu tiền đặt cọc mua hàng – Cty TNHH Hải An | 131 | 650.000.000 | | 665.567.112 |
| 036V | 04/12 | Trả tiền mua hàng – Cty cổ phần VLKT Điện | 1561 1331 | | 297.272.727 29.727.273 | 338.567.112 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 051V | 28/12 | Phạm Thu Hoài nộp tiền vào TK | 111 | 1.215.000.000 | | 1.403.704.856 |
| | 28/12 | Thanh toán hợp đồng 54/21-12-2009 | 331 | | 1.130.160.000 | |
| | | - Phí chuyển tiền | 641 | | 1.582.224 | |
| | | - Điện phí | 641 | | 83.100 | |
| | | - Thuế VAT | 133 | | 166.532 | 271.713.000 |
| 052V | 28/12 | Ngân hàng thu lãi tiền vay vốn | 635 | | 17.500.000 | 254.213.000 |
| | | Phát sinh T12 | | 1.956.752.086 | 1.718.106.198 | |
| | | Luỹ kế PS từ đầu năm | | 15.690.107.998 | 15.407.040.500 | |
| | | Dư cuối kỳ | | | | 669.516.211 |

Biểu 2.26 : Trích sổ tiền gửi Ngân hàng VP Bank (VNĐ) tháng 12/2009

Căn cứ vào các sổ chi tiết tiền gửi theo từng Ngân hàng kế toán vào sổ tổng hợp chi tiết tiền gửi Ngân hàng (biểu 2.27)

CÔNG TY CP TBPT HẢI PHÒNG

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tháng 12 năm 2009

ĐVT: Đồng

| STT | Tên Ngân hàng | Mã NH | Số dư đầu kỳ | | Số phát sinh | | Số dư cuối kỳ | |
|-----|------------------|-------|----------------------|----|----------------------|----------------------|----------------------|----|
| | | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1 | SGBANK | 112S | 959.571.987 | | 3.004.658.177 | 2.954.253.000 | 1.009.977.164 | |
| 2 | VP Bank HP | 112V | 430.870.323 | | 1.956.752.086 | 1.718.106.198 | 669.516.211 | |
| | Tổng cộng | | 1.390.442.310 | | 4.961.410.263 | 4.672.359.198 | 1.679.493.375 | |

Biểu 2.27 : Sổ tổng hợp chi tiết tiền gửi Ngân hàng

CÔNG TY CP TBPT HẢI PHÒNG

NHẬT KÝ CHUNG

Trích tháng 12 năm 2009

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn Giải | ĐG SC | STT dòng | Số hiệu TK | | Số phát sinh | |
|--------------|-------------|--------------|--------------------------------------------------|-----------------------|----------|--------------------------|------|-------------------------------------------------|-----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | H | I | 1 | 2 |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | | | 29.296.848.231 | 28.620.406.046 |
| 01/12 | 042S | 01/12 | Phạm Khắc Quang đặt cọc tiền hàng | x | | 112S | | 200.000.000 | |
| | | | | x | | | 131 | | 200.000.000 |
| 01/12 | 043S | 01/12 | Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt | x | | 111 | | 1.150.000.000 | |
| | | | | x | | | 112S | | 1.150.000.000 |
| 01/12 | 044S | 01/12 | Công ty CP TM Nam Đạt: Thu tiền hàng: | x | | 112S | | 747.540.600 | |
| | | | - Tiền hàng | x | | | 511 | | 711.943.429 |
| | | | - VAT đầu ra | x | | | 3331 | | 35.597.171 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 28/12 | 051V | 28/12 | Phạm Thu Hoài nộp tiền vào TK | x x | | 112V | 111 | 1.215.000.000 | 1.215.000.000 |
| 28/12 | | 28/12 | Thanh toán hợp đồng 71/19-12-2008 | x x x x x | | 331 641 641 133 | 112V | 1.130.160.000 1.582.224 83.100 166.532 | 1.131.991.856 |
| 28/12 | 052V | 28/12 | Ngân hàng thu lãi tiền vay vốn | x x | | 635 | 112V | 17.500.000 | 17.500.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Cộng PS tháng 12 | | | | | 4.961.410.263 | 4.672.359.198 |
| | | | Luỹ kế PS | | | | | 34.258.258.494 | 33.292.765.244 |

Biểu 2.28: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CP TBPT HẢI PHÒNG

SỔ CÁI

Tài khoản : 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Trích tháng 12 năm 2009

ĐVT: Đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Nhật ký chung | | TK đối ứng | Số tiền | |
|-------------------|-------------|--------------|----------------------------------------------|---------------|------|------------|----------------------|----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | Trang | Dòng | | Nợ | Có |
| | | | <u>Số dư đầu tháng 1</u> | | | | 714,000,125 | |
| | | | <u>Số dư đầu tháng 12</u> | | | | 1.390.442.310 | |
| 01/12 | 042S | 01/12 | Phạm Khắc Quang đặt cọc tiền hàng | | | 131 | 200.000.000 | |
| 01/12 | 043S | 01/12 | Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt | | | 111 | | 1.150.000.000 |
| 01/12 | 044S | 01/12 | Công ty CP TM Nam Đạt: Thu tiền hàng: | | | | | |
| | | | - Tiền hàng | | | 511 | | 711.943.429 |
| | | | - VAT đầu ra | | | 3331 | | 35.597.171 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 28/12 | 051V | 28/12 | Phạm Thu Hoài nộp tiền vào TK | | | 111 | 1.215.000.000 | |
| 28/12 | | 28/12 | Thanh toán hợp đồng 71/19-12-2008 | | | 331 | | 1.130.160.000 |
| | | | Phí chuyển tiền | | | 641 | | 1.582.224 |
| | | | Điện phí | | | 641 | | 83.100 |
| | | | VAT | | | 133 | | 166.532 |
| 28/12 | 052V | 28/12 | Ngân hàng thu lãi tiền vay vốn | | | 635 | | 17.500.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Cộng phát sinh T12 | | | | 4.961.410.263 | 4.672.359.198 |
| | | | Lũy kế số phát sinh | | | | 34.258.258.494 | 33.292.765.244 |
| | | | <u>Số dư cuối kỳ</u> | | | | 1.679.493.375 | |

Biểu 2.29 : Sổ cái tiền gửi Ngân hàng

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC
KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ
TÙNG HẢI PHÒNG****3.1. NHẬN XÉT CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG HẢI PHÒNG****3.1.1. Nhận xét đánh giá chung:**

Nhìn lại quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần TBPT Hải Phòng trong mấy năm qua cho thấy Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, luôn tuân thủ các quy định của pháp luật. Nhiệm vụ chủ yếu của Công ty là xuất nhập khẩu máy móc thiết bị và cho thuê kho táng bến bãi.

Với sự cạnh tranh ngày một khốc liệt của thị trường hàng hoá nói chung, Công ty không thể tránh khỏi những khó khăn thử thách nhằm vươn lên và có vị trí trong thị trường. Nhưng đến nay khó khăn đó đã từng bước được toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty đẩy lùi mang lại cho Công ty những hiệu quả kinh tế đáng khích lệ, đời sống cán bộ công nhân viên đã từng bước nâng cao, đảm bảo công ăn việc làm thường xuyên cho hơn 100 cán bộ công nhân viên.

Đứng trước mọi khó khăn thử thách đó Công ty đã đang từng bước tháo gỡ và hình thành một dự án sản xuất kinh doanh, sẵn sàng hợp tác với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước đưa Công ty ngày càng phát triển.

Trong công cuộc đổi mới nền kinh tế đất nước nền khoa học công nghệ phát triển như vũ bão đã như hiện nay, Công ty phải có những chuyển biến thay đổi để phù hợp với xu hướng mới. Công ty đã nhanh chóng hòa nhập. Với đội ngũ công nhân lành nghề, công ty đã đạt được nhiều thành tích cao trong sản xuất kinh doanh. Tổng sản lượng tiêu thụ năm sau cao hơn năm trước, giá bán bình quân cao hơn năm trước nên tổng doanh thu hàng năm cũng tăng theo. Điều này chứng tỏ thu nhập bình quân của người lao động tăng lên đạt được những thành tựu đó là nhờ sự định hướng, chỉ đạo đúng đắn của ban giám đốc Công ty. Có được chỗ đứng vững trên thị trường và uy tín như hôm nay là nhờ sự đóng góp không nhỏ của những người làm công tác kế toán trong doanh nghiệp, đặc biệt là bộ phận kế toán vốn bằng tiền. Điều này thể hiện ở việc thu chi tài chính hợp lý, đầy đủ, chính

xác, kịp thời giúp cho Công ty nhiều khoản chi không cần thiết tránh lãng phí. Làm cho số vòng quay của vốn lưu động tăng nhanh, nâng cao hiệu quả của việc sử dụng vốn.

Kể từ khi chuyển từ công ty nhà nước chuyển sang công ty cổ phần, sự thành công của Công ty luôn gắn liền với sự nỗ lực của các cán bộ kế toán tài chính của Công ty trong công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền. Những ưu điểm sau đây sẽ chứng minh phần nào vai trò của các cán bộ kế toán đối với Công ty cổ phần TBPT Hải Phòng.

3.1.2 Ưu điểm:

Công ty cổ phần TBPT Hải Phòng có tài sản kinh doanh lớn, bởi vậy việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản lại càng có ý nghĩa quan trọng đối với Công ty. Trong điều kiện khắc nghiệt của cơ chế thị trường, Công ty đã đứng vững và ngày càng khẳng định vai trò của mình trong việc kinh doanh các loại ô tô, máy móc thiết bị công trình ... Trong sự phát triển không ngừng của mình Công ty đã thể hiện rõ ưu điểm về tổ chức bộ máy quản lý và tổ chức công tác kế toán.

- Về bộ máy kế toán: Với hình thức kế toán tập trung, công tác kế toán ở Công ty đã tổ chức có kế hoạch, sắp xếp và bố trí cán bộ nhân viên kế toán một cách phù hợp với năng lực, trình độ của từng người nên chất lượng công tác được nâng cao.

- Về đội ngũ kế toán của Công ty : Đội ngũ kế toán của Công ty có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn , nhiệt tình trong công tác và nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Công ty luôn tạo điều kiện để tổ chức bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên để phù hợp với tình hình mới.

- Về hình thức kế toán: Là một doanh nghiệp nhà nước chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty đã áp dụng hình thức Nhật ký chứng từ để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Với hệ thống sổ sách này, các kế toán viên của Công ty đảm bảo thực hiện tốt việc phân nhánh các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh. Kết hợp chặt chẽ giữa kế toán tổng hợp với kế toán chi tiết, thực hiện đầy đủ việc kiểm tra đối chiếu trong tháng, cung cấp thông tin chính xác đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý và hạch toán kế toán. Giúp cho công tác kế toán nói

chung cũng như công tác hạch toán doanh thu, kế toán vốn bằng tiền một cách chính xác, nhanh chóng.

- Về hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán: Công ty đã áp dụng hệ thống chứng từ kế toán theo quy định của Bộ tài chính. Các chứng từ được kiểm tra, luân chuyển một cách thường xuyên và phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Có thể nói hệ thống kế toán mà Công ty cổ phần TBPT Hải Phòng đang áp dụng là phù hợp với chế độ kế toán Nhà nước quy định.

- Về công tác kế toán vốn bằng tiền: Các chứng từ hóa đơn, phiếu thu chi đã được kế toán tiến hành xử lý khá nề nếp và chặt chẽ. Việc hạch toán tiền mặt, tiền đang chuyển, các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao. Đáp ứng đầy đủ kịp thời mọi yêu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh. Thu nộp ngân sách đầy đủ, kịp thời đúng hạn, đúng luật quy định, chi trả các khoản như tiền lương, tiền thưởng, tiền ăn ca và các chế độ khác cho cán bộ công nhân viên đầy đủ và đúng hạn.

3.1.3. Nhược điểm:

Bên cạnh những thành tựu và ưu điểm mà Công ty cổ phần TBPT Hải Phòng đã đạt được tại Công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế ảnh hưởng tới công tác kế toán.

- Trong quá trình hạch toán Công ty sử dụng hệ thống tài khoản cũ do bộ tài chính ban hành. Phần lớn các cán bộ nhân viên trong phòng kế toán đã học từ lâu, hiện nay hệ thống tài khoản kế toán đã có nhiều thay đổi do đó việc hạch toán theo hệ thống cũ không còn phát huy tính tích cực.

- Do hàng hoá của Công ty nhập ngày càng khan hiếm, tỷ giá USD, JPY luôn thay đổi, chính sách của nhà nước, với sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường hiện nay thì Công ty phải luôn tạo cho mình một chữ tín quan trọng trong lòng mỗi khách hàng, tạo mối quan hệ bền chặt với họ để giữ khách. Nhưng bên cạnh đó, với những khách hàng quen thuộc lâu năm thì việc nợ đọng tiền hàng của Công ty là không thể tránh khỏi. Số vốn nợ đọng trong hoạt động bán hàng là không nhỏ. Trong số những khách hàng đó đa số là những khách hàng có tiềm năng và uy tín, khả năng thu hồi cao. Nhưng bên cạnh đó vẫn còn một số khoản công nợ khó đòi chưa giải quyết được.

Mặc dù đã sử dụng phần mềm kế toán nhưng chưa có sự kết nối thông tin giữa các phần hành kế toán nên mỗi nhân viên chỉ chịu trách nhiệm và xử lý số liệu cho phần hành của mình mà không có sự hỗ trợ của phần hành kế toán khác theo mối quan hệ đối ứng TK. Vì thế kế toán máy không đáp ứng hết những yêu cầu về sổ sách kế toán nên gây ra nhiều khó khăn cho kế toán tổng hợp .

3.2. PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN.

Để tiến hành buôn bán kinh doanh thương mại, doanh nghiệp phải dùng đủ vốn của mình để đầu tư cho các hoạt động phát triển của doanh nghiệp mình. Như vậy để đánh giá hiệu quả kinh doanh thương mại của một doanh nghiệp, người ta không chỉ quan tâm đến hiệu quả sử dụng tiền vốn của doanh nghiệp. Khi đánh giá khả năng hoạt động kinh doanh thì yêu cầu đặt ra là so sánh doanh thu tiêu thụ với việc bỏ vốn, cũng như phải xem xét khả năng khai thác sử dụng tiền vốn của doanh nghiệp, đánh giá chu kỳ SXKD của doanh nghiệp. Từ đó tìm ra giải pháp đẩy nhanh vòng quay của chu kỳ lưu chuyển vốn.

Công tác quản lý và sử dụng vốn ở Công ty nói chung bên cạnh những mặt tích cực tạo điều kiện cho công ty không ngừng lớn mạnh trong những năm qua thì vẫn còn những hạn chế cần khắc phục dần mà đặc biệt phải hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền.

Là một sinh viên đã được học tập tại trường và thực tập tại Công ty em mong muốn được góp một phần nhỏ công sức của mình vào việc hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền của Công ty, làm cho công tác kế toán thực sự trở thành một công cụ quản lý kinh tế có hiệu quả cộng với sự xuất phát từ những nghiên cứu tình hình thực tế tại Công ty em xin nêu ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền ở Công ty như sau:

1. Phần công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền:

- Các phiếu thu, phiếu chi cần phải có định khoản rõ ràng số tiền ở từng tài khoản để kế toán vào sổ cho dễ dàng hơn.

- Thực tế khoản nợ của khách hàng với Công ty là tương đối lớn, kế toán phải thường xuyên kiểm tra công nợ của khách hàng, chú ý đơn đốc công nợ khách hàng. Sở dĩ trong hoạt động SXKD thương mại của Công ty thì công nợ của khách hàng lớn

thì càng tốt càng chứng tỏ công ty bán được nhiều hàng, có nhiều bạn hàng. Nhưng khi xem xét khả năng thanh toán công nợ và thời gian thanh toán công nợ nếu lượng vốn mà tồn đọng trong công nợ khách hàng mà lớn thì tốc độ quay vòng vốn chậm ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD của Công ty. Để đảm bảo đủ nguồn hàng đủ chủng loại để cung cấp ra thị trường Công ty phải phát huy vốn bằng cách vay của ngân hàng đó là một điều không tốt, chỉ làm tăng thêm lãi suất vay cho nguồn vốn của Công ty. Chính vì vậy mà kế toán Công ty phải quan sát chặt chẽ việc thực hiện các quy định về công nợ đôn đốc các phòng kinh doanh thực hiện thu hồi công nợ hàng tháng gửi công văn bản công văn thông báo đến từng khách hàng có tư tưởng chiếm dụng vốn thì Công ty phải có những biện pháp xử lý kịp thời để thu hồi và bảo toàn vốn của Công ty.

2. Phần công tác kế toán và quản lý nói chung :

- Tổ chức bộ máy kế toán một cách hợp lý rõ ràng, phân công phân nhiệm mỗi người một trách nhiệm nhưng phải thống nhất với nhau để giúp cho bộ máy kế toán ngày càng hoàn thiện.

- Đưa hệ thống phần mềm máy tính vào sử dụng nhưng cần phải liên kết chặt chẽ các phần hành kế toán với nhau.

- Hiện nay Luật kế toán đã sửa đổi và bổ sung nhiều, Công ty cần phải đưa hệ thống tài khoản mới vào công tác hạch toán kế toán. Các cán bộ kế toán đã làm lâu năm thì cần phải được trau dồi thêm kiến thức, được đi học các hệ thống kế toán mới vào vận dụng thực tế tại Công ty một cách thuần thục nhanh chóng chính xác.

3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị

1- Việc thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng tận dụng một cách triệt để, có quá nhiều khoản tiền lớn được thực hiện tại quỹ, ảnh hưởng đến vấn đề an toàn tiền quỹ của Công ty.

2- Đào tạo, thu hút nguồn lao động có trình độ cao gắn bó với Công ty bằng chế độ tiền lương cụ thể nhưng trả lương phải gắn với trách nhiệm từng công việc cụ thể, năng suất lao động, chất lượng sản xuất ra.

Thường xuyên phổ biến đào tạo cho công nhân để nâng cao trình độ

Nâng cao vai trò trách nhiệm của bộ phận thị trường đó là nhân tố quyết định đến đầu ra của sản phẩm mang lại lợi nhuận lớn cho Công ty đó là mở rộng thị trường, ký kết các hợp đồng kinh tế lớn. Tìm kiếm các bạn hàng lớn có thể cung cấp hàng với số lượng lớn giá thành thấp.

3- Không nên lưu trữ quá nhiều tiền mặt trong két mà nên gửi vào ngân hàng tránh việc ứ đọng vốn. Điều đó còn tạo cho Công ty một khoản lời từ tiền gửi ngân hàng và thực hiện việc thanh toán các khoản phải trả qua ngân hàng thay vì chi trả tiền mặt sẽ giúp cho bộ phận quỹ giảm đi một phần việc đáng kể đồng thời còn đảm bảo an toàn cho đồng tiền.

4- Công ty nên chiếm dụng vốn của khách hàng một cách hợp pháp, ví dụ như đề nghị tạm ứng trước khoảng 30% đến 50% tổng giá trị đơn đặt hàng. Muốn vậy Công ty phải tạo uy tín cao, phải có quan hệ thường xuyên đối với bạn hàng và tạo điều kiện cho khách hàng nợ trong điều kiện cho phép.

5- Về khả năng thanh toán:

Bảng số 3.1 Khả năng thanh toán

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2007 | Năm 2008 | Năm 2009 |
|------------------------------------------|-------------|----------------|----------------|----------------|
| 1. Tài sản ngắn hạn | VNĐ | 11,765,308,513 | 16,627,002,731 | 18,586,763,353 |
| 2. Tiền, các khoản phải thu | VNĐ | 6,674,618,073 | 9,893,196,007 | 10,359,484,144 |
| 3. Nợ ngắn hạn | VNĐ | 5,129,660,777 | 9,266,500,249 | 10,836,046,959 |
| 4. Khả năng thanh toán ngắn hạn (4= 1/3) | Lần | 2.29 | 1.79 | 1.72 |
| 5. Khả năng thanh toán nhanh (5= 2/3) | Lần | 1.30 | 1.07 | 0.96 |

(Nguồn: Trích từ báo cáo phân tích tài chính năm 2007, 2008 và 2009 tại công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Hải Phòng)

Dựa vào số liệu của bảng cân đối kế toán của các năm 2007, 2008 và 2009, công ty tiến hành tính toán phân tích các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán như: Khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán ngắn hạn quá đó để đánh giá được đúng

khả năng thanh toán thực tế của doanh nghiệp.

Qua bảng số liệu thể hiện các chỉ tiêu về cơ cấu phân tích tài chính của Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng cho thấy:

- Năm 2007 khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty là $2,29 > 1$, nhìn chung hệ số này > 1 rất tốt, vì có một lượng TSLĐ và đầu tư ngắn hạn hiện có là đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

Khả năng thanh toán nhanh là $1,3 > 1$ hệ số này rất tốt, nếu nó quá nhỏ thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong việc thanh toán công nợ, vì vào lúc cần doanh nghiệp có thể buộc phải sử dụng các biện pháp bất lợi như bán các tài sản với giá thấp để trả nợ.

- Năm 2008 khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty là $1,79 > 1$, hệ số này nhỏ hơn so với năm 2007; Khả năng thanh toán nhanh $1,07 > 1$, so với năm 2007 thì hệ số này nhỏ hơn, tuy nhiên cả hai hệ số này đều > 1 , khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh vẫn được đảm bảo. Nguyên nhân của khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh của năm 2008 thấp hơn so với năm 2007 là do nợ ngắn hạn năm 2008 tăng lên gần gấp 2 lần so với năm 2007

- Năm 2009 khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty là $1,72 > 1$, hệ số này nhỏ hơn so với năm 2008; Khả năng thanh toán nhanh $0,96 < 1$ sụt giảm so với năm 2007 và 2008, như vậy khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn chưa thực sự an toàn, do đặc điểm của doanh nghiệp là luôn có hàng tồn kho lớn, nhu cầu vay nợ lại cao nên lượng tiền mặt và các khoản phải thu ngắn hạn không đủ thanh toán nhanh 100% các khoản nợ ngắn hạn.

6. Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Bảng 3.2: Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2007 | Năm 2008 | Năm 2009 |
|--------------------------------------------|-------------|----------------|----------------|----------------|
| 1. Doanh thu thuần | VNĐ | 63,694,699,408 | 79,019,394,671 | 95,107,625,633 |
| 2. Các khoản phải thu bình quân | VNĐ | 6,876,666,228 | 7,044,128,249 | 8,170,785,730 |
| 3. Vòng quay các khoản phải thu($3=1/2$) | Vòng | 9.26 | 11.22 | 11.64 |

(Nguồn số liệu: Trích từ Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các năm 2007, 2008 và 2009 tại công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Hải Phòng)

- Vòng quay các khoản phải thu của các năm 2007, 2008 và 2009 lần lượt là 9,26; 11,22 và 11,64 vòng, điều đó cho ta thấy năm 2008 tăng 1,96 vòng so với năm 2007, do vòng quay các khoản phải thu tăng thì kỳ thu tiền bình quân năm 2008 giảm xuống 6,87 ngày, tức là năm 2007 thì cứ 39,41 ngày thì công ty thu được các khoản phải thu nhưng đến năm 2008 thì chỉ cần 32,54 ngày thì công ty sẽ thu hồi được các khoản phải thu. Đến năm 2009 vòng quay các khoản phải thu tăng nên rất ít so với năm 2008 là 0,42 vòng làm cho kỳ thu tiền bình quân năm 2009 giảm xuống chỉ còn 31,36 ngày. Kết quả này có được là nhờ công tác bán hàng và thu tiền bán hàng của công ty qua các năm đã được cải thiện, góp phần làm tăng doanh thu của công ty và làm giảm các khoản nợ phải thu.

Như vậy, giải pháp trong trường hợp này là nhanh chóng giải phóng hàng tồn kho và giảm các khoản phải thu ở khách hàng.

Nhìn chung tình hình tài chính tại Công ty cổ phần TBPT Hải Phòng là khá khả quan. Nó phản ánh đúng tình hình thực chất công tác kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên tình hình kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động SXKD thương mại. Song Công ty vẫn không lùi bước, tiếp tục cố gắng nỗ lực để tìm kiếm và thu hút thêm nhiều bạn hàng. Nhờ sự năng động đó Công ty đã dần khắc phục khó khăn, sản lượng thông qua hàng năm tăng không ngừng, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước.

Phụ biểu: Bảng phân tích tình hình tài sản và nguồn vốn

| ChØ tªu | 31/12/2007 | | 31/12/2008 | | 31/12/2009 | | 31/12/2008 SO SÁNH VỚI 31/12/2007 | | 31/12/2009 SO SÁNH VỚI 31/12/2008 | |
|-----------------------------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|--------------------------------------|------------|--------------------------------------|------------|
| | Số tiền | Tỷ trọng % | Số tiền | Tỷ trọng % | Số tiền | Tỷ trọng % | Số tiền | Tỷ trọng % | Số tiền | Tỷ trọng % |
| TÀI SẢN | | | | | | | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 11,765,308,513 | 65.8 | 16,627,002,731 | 73.9 | 18,586,763,353 | 77.0 | 4,861,694,218 | 41.3 | 1,959,760,622 | 11.8 |
| <i>I. Tiền và các khoản tƣơng đƣơng tiền</i> | 735,947,235 | 4.1 | 1,743,610,347 | 7.8 | 2,167,498,344 | 9.0 | 1,007,663,112 | 136.9 | 423,887,997 | 24.3 |
| 1. Tiền | 531,960,999 | 3.0 | 1,029,610,222 | 4.6 | 488,004,969 | 2.0 | 497,649,223 | 93.5 | (541,605,253) | (52.6) |
| 2. Các khoản tƣơng đƣơng tiền | 203,986,236 | 1.1 | 714,000,125 | 3.2 | 1,679,493,375 | 7.0 | 510,013,889 | 250.0 | 965,493,250 | 135.2 |
| <i>II. Các khoản đầu t tài chính ngắn hạn</i> | 0 | - | 0 - | - | - | - | - | | | |
| <i>III. Các khoản phải thu</i> | 5,938,670,838 | 33.2 | 8,149,585,660 | 36.2 | 8,191,985,800 | 33.9 | 2,210,914,822 | 37.2 | 42,400,140 | 0.5 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 2,766,609,171 | 15.5 | 3,084,565,315 | 13.7 | 4,549,442,831 | 18.8 | 317,956,144 | 11.5 | 1,464,877,516 | 47.5 |
| 2. Trả tr-ớc cho ng-ời bán | 2,391,019,060 | 13.4 | 3,949,053,695 | 17.6 | 3,642,542,969 | 15.1 | 1,558,034,635 | 65.2 | (306,510,726) | (7.8) |
| 3. Phải thu khác | 781,042,607 | 4.4 | 1,115,966,650 | 5.0 | - | - | 334,924,043 | 42.9 | (1,115,966,650) | (100.0) |
| <i>IV. Hàng tồn kho</i> | 4,843,467,741 | 27.1 | 6,047,358,513 | 26.9 | 7,561,148,530 | 31.3 | 1,203,890,772 | 24.9 | 1,513,790,017 | 25.0 |
| 1. Hàng tồn kho | 4,843,467,741 | 27.1 | 6,047,358,513 | 26.9 | 7,561,148,530 | 31.3 | 1,203,890,772 | 24.9 | 1,513,790,017 | 25.0 |
| <i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i> | 247,222,699 | 1.4 | 686,448,211 | 3.1 | 666,130,679 | 2.8 | 439,225,512 | 177.7 | (20,317,532) | (3.0) |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 6,103,919,856 | 34.2 | 5,863,571,015 | 26.1 | 5,566,439,190 | 23.0 | (240,348,841) | (3.9) | (297,131,825) | (5.1) |
| <i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i> | | - | | - | | - | - | | | |
| <i>II. Tài sản cố định</i> | 5,896,470,101 | 33.0 | 5,863,571,015 | 26.1 | 5,566,439,190 | 23.0 | (32,899,086) | (0.6) | (297,131,825) | (5.1) |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 5,896,470,101 | 33.0 | 5,863,571,015 | 26.1 | 5,566,439,190 | 23.0 | (32,899,086) | (0.6) | (297,131,825) | (5.1) |
| - Nguyên giá | 6,340,826,803 | 35.5 | 6,714,729,508 | 29.9 | 6,846,529,963 | 28.3 | 373,902,705 | 5.9 | 131,800,455 | 2.0 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | (444,356,702) | (2.5) | (851,158,493) | (3.8) | (1,280,090,773) | (5.3) | (406,801,791) | 91.5 | (428,932,280) | 50.4 |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | - | - | - | - | - | - | - | | | |
| 3. Tài sản cố định vô hình | - | - | - | - | - | - | - | | | |

| | | | | | | | | | | | |
|-----------------------------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|------|-----------------------|------|---------------|---------|----------------------|---------|---------|
| III. Bất động sản | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 207,449,755 | 1.2 | - | - | - | - | (207,449,755) | (100.0) | - | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 17,869,228,369 | 100 | 22,490,573,746 | 100 | 24,153,202,543 | 100 | 4,621,345,377 | 25.9 | 1,662,628,797 | 7.4 | - |
| NGUỒN VỐN | | | | | | | | | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 5,134,956,483 | 28.7 | 9,271,795,955 | 41.2 | 10,841,342,665 | 44.9 | 4,136,839,472 | 80.6 | 1,569,546,710 | 16.9 | - |
| I. Nợ ngắn hạn | 5,129,660,777 | 28.7 | 9,266,500,249 | 41.2 | 10,836,046,959 | 44.9 | 4,136,839,472 | 80.6 | 1,569,546,710 | 16.9 | - |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 2,514,988,783 | 14.1 | 3,774,713,191 | 16.8 | 3,514,988,783 | 14.6 | 1,259,724,408 | 50.1 | (259,724,408) | (6.9) | - |
| 2. Phải trả người bán | 1,767,052,500 | 9.9 | 1,418,443,999 | 6.3 | 4,667,052,500 | 19.3 | (348,608,501) | (19.7) | 3,248,608,501 | 229.0 | - |
| 3. Người mua trả tiền trước | - | - | 1,112,843,739 | 4.9 | 1,764,957,820 | 7.3 | 1,112,843,739 | #DIV/0! | 652,114,081 | 58.6 | - |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 847,619,494 | 4.7 | 884,498,961 | 3.9 | 889,047,856 | 3.7 | 36,879,467 | 4.4 | 4,548,895 | 0.5 | - |
| 5. Phải trả công nhân viên | - | - | 94,584,000 | 0.4 | - | - | 94,584,000 | #DIV/0! | (94,584,000) | (100.0) | - |
| 6. Chi phí phải trả | - | - | 5,206,254 | 0.0 | - | - | 5,206,254 | #DIV/0! | (5,206,254) | (100.0) | - |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp khác | - | - | 1,976,210,105 | 8.8 | - | - | 1,976,210,105 | #DIV/0! | (1,976,210,105) | (100.0) | - |
| II. Nợ dài hạn | 5,295,706 | 0.0 | 5,295,706 | 0.0 | 5,295,706 | 0.0 | - | - | - | - | - |
| 1. Phải trả dài hạn khác | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 2. Vay và nợ dài hạn | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 3. Thuế TNDN hoãn lại phải trả | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 5,295,706 | 0.0 | 5,295,706 | 0.0 | 5,295,706 | 0.0 | - | - | - | - | - |
| B. Vốn chủ sở hữu | 12,734,271,886 | 71.3 | 13,218,777,791 | 58.8 | 13,311,859,878 | 55.1 | 484,505,905 | 3.8 | 93,082,087 | 0.7 | - |
| I. Vốn chủ sở hữu | 12,718,103,812 | 71.2 | 13,218,777,791 | 58.8 | 13,311,859,878 | 55.1 | 500,673,979 | 3.9 | 93,082,087 | 0.7 | - |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 12,000,000,000 | 67.2 | 12,000,000,000 | 53.4 | 12,000,000,000 | 49.7 | - | - | - | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 73,739,707 | 0.4 | 73,739,707 | 0.3 | 73,739,707 | 0.3 | - | - | - | - | - |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính | 83,957,049 | 0.5 | 83,957,049 | 0.4 | 83,957,049 | 0.3 | - | - | - | - | - |
| 5. Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu | 369,102,692 | 2.1 | 369,102,692 | 1.6 | 369,102,692 | 1.5 | - | - | - | - | - |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 191,304,364 | 1.1 | 691,978,343 | 3.1 | 785,060,430 | 3.3 | 500,673,979 | 261.7 | 93,082,087 | 13.5 | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 16,168,074 | 0.1 | - | - | - | - | (16,168,074) | (100.0) | - | - | #DIV/0! |

| | | | | | | | | | | |
|-----------------------------|-----------------------|-----|-----------------------|-----|-----------------------|-----|---------------|---------|---------------|---------|
| 1. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 16,168,074 | 0.1 | | - | | - | (16,168,074) | (100.0) | - | #DIV/0! |
| 2. Nguồn kinh phí | | - | | - | | - | - | | | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 17,869,228,369 | 100 | 22,490,573,746 | 100 | 24,153,202,543 | 100 | 4,621,345,377 | 25.9 | 1,662,628,797 | 7.4 |

(Nguồn: trích bảng cân đối kế toán của năm 2007-2009 tại Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Hải Phòng)

KẾT LUẬN

Trong thời gian và trình độ còn có hạn, với một doanh nghiệp lớn, có nhiều đơn vị phụ thuộc với đa ngành nghề, tính chất hoạt động sản xuất kinh doanh phức tạp. Số liệu thực tế chưa nhiều, đặc biệt là kinh nghiệm phân tích đánh giá của em chưa được sâu sắc. Em chỉ tìm hiểu được những vấn đề đã nêu trong bản báo cáo này. Chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong được sự chỉ bảo của các thầy cô. Em sẽ cố gắng tìm hiểu, đi sâu vào chuyên đề thực tập của mình.

Qua quá trình thực tập và đi sâu nghiên cứu, có thể khẳng định lại rằng: Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền là công cụ đắc lực giúp cho Ban lãnh đạo của Công ty nắm bắt được kịp thời tình hình thu chi và tiến hành chỉ đạo kinh doanh sản xuất. Việc tính toán các nguồn thu cũng như mục đích chi sao cho có hiệu quả và hợp lý luôn là vấn đề quan tâm của người làm công tác quản lý, đặc biệt là những người làm công tác kế toán giữa thực tế và lý thuyết luôn là một khoảng cách, do đó cần được vận dụng một cách linh hoạt vào thực tế song phải trên nguyên tắc tôn trọng các điều lệ quy định phải đảm bảo yêu cầu của kế toán là vừa đảm bảo tính chính xác hợp lý, vừa đơn giản.

Trong thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty cổ phần TBPT Hải Phòng đã giúp em rất nhiều trong việc củng cố lại những kiến thức đã học và vận dụng trong thực tế công tác. Và đặc biệt là nắm vững hơn công tác kế toán vốn bằng tiền trong một Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Tại đây, em đã học hỏi được thêm nhiều kinh nghiệm trình độ nghiệp vụ của bản thân cũng được nâng cao.

Kết lời, em xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới ban lãnh đạo Công ty cổ phần TBPT Hải Phòng đã tạo điều kiện và giúp đỡ em trong thời gian thực tập tại Công ty. Em cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các bác, các cô, các chú, các anh chị trong Công ty cổ phần TBPT Hải Phòng đã nhiệt tình giúp đỡ về mặt thực tiễn và cung cấp cho em những tài liệu quan trọng làm cơ sở nghiên cứu chuyên đề, giúp em hoàn thành báo cáo chuyên đề này.

Đặc biệt, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng, các cán bộ Kế toán cùng các đồng chí lãnh đạo Công ty

cô phân TBPT Hải Phòng đã giúp em hoàn thành bản báo cáo thực tập tổng hợp này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, 25 ngày 06 tháng năm 2010

SINH VIÊN

Phạm Thu Hiền

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2002), *Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2)*, NXB Tài chính, Hà Nội.
2. Bộ Tài chính (2003), *Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3)*, NXB Tài chính, Hà Nội.
3. Bộ Tài Chính (2006), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội.
4. PGS.TS Nguyễn Văn Công (2003), *Lập, đọc, kiểm tra và phân tích Báo cáo tài chính* – NXB Tài chính, Hà Nội.
5. PGS.TS Nguyễn Văn Công (2005), *chuyên khảo về báo cáo tài chính và lập đọc, kiểm tra phân tích báo cáo tài chính*, NXB Tài chính, Hà Nội
6. Nguyễn Tấn Bình (2004), *Phân tích quản trị tài chính*, NXB thống kê, TP. Hồ Chí Minh
7. Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Hải Phòng (2007, 2008, 2009), *báo cáo tài chính*, Hải Phòng
8. PGS.TS Lưu Thị Hương – PGS.TS Vũ Duy Hào (2006), *Tài chính doanh nghiệp*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.
9. PGS. TS Vũ Duy Hào – PGS. TS Đàm Văn Huệ, Ths. Nguyễn Quang Ninh (1997), *Quản trị doanh nghiệp*, NXB Thống kê Hà Nội
10. PGS.TS Vũ Duy Hào, *bài giảng tài chính doanh nghiệp*, NXB Thống kê Hà Nội
11. PGS.TS Phạm Thị Gái (1997), *giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh*,
12. PGS.TS Trần Ngọc Thơ (2003), *Tài chính doanh nghiệp hiện đại*, NXB Thống kê, Thành phố Hồ chí Minh.

<http://www.fetp.edu.vn>

<http://www.Kienthuctaichinh.com>

<http://www.ptshp.com>